TRƯỜNG ĐẠI HỌC KỸ THUẬT Y TẾ HẢI DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hải Dương, Ngày 24 tháng 08 năm 2015

DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN
ĐỢT XÉT TUYỂN: TUYỂN SINH NGUYỆN VỌNG 1
NGÀNH: ĐẠI HỌC PHỤC HỒI CHỨC NĂNG

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	CMND	KV ƯT	ĐT ƯT	Môn 1		Môn 2		Môn 3		Tổng điểm chưa có ƯT	Tổng điểm có ƯT
1	YTB024485	NGUYỄN THỊ MINH	17/01/1997	Nữ	145732304	2NT		TO	7.25	HO	7.25	SI	6.75	21.25	22.25
2	HHA008059	NGUYỄN THỊ DIỆU LINH	16/05/1997	Nữ	101300969	2NT		TO	6	HO	7	SI	8.25	21.25	22.25
3	THP014476	NGUYỄN THỊ THÚY	06/08/1997	Nữ	142846069	2NT		TO	7.5	HO	7.75	SI	6	21.25	22.25
4	HHA009502	ĐỒNG XUÂN NAM	06/08/1996	Nam	031896603	3		TO	8	HO	7.75	SI	6.5	22.25	22.25
5	THP015466	VŨ THỊ THU TRANG	01/06/1997	Nữ	142806501	2NT		TO	7	HO	8	SI	6.25	21.25	22.25
6	SPH015730	NGUYỄN THỊ THẢO	08/09/1996	Nữ	174909311	2NT		TO	7.25	HO	7.5	SI	6.5	21.25	22.25
7	THP004458	ĐOÀN THỊ HẰNG	20/12/1997	Nữ	142880919	2NT		TO	7.25	HO	7.5	SI	7.25	22	23
8	TND021187	NGUYỄN THỊ QUỲNH	23/01/1997	Nữ	122247252	1		TO	7.25	HO	6.75	SI	6.75	20.75	22.25
9	YTB017159	ĐỖ MAI PHƯƠNG	11/08/1997	Nữ	152166237	2		TO	7.5	HO	8	SI	6.5	22	22.5
10	HVN007140	ĐỖ THỊ NĂM	22/10/1997	Nữ	125744597	2NT		TO	7	HO	7.75	SI	6.5	21.25	22.25
11	HVN005208	HỒ HẢI HƯU	02/12/1997	Nam	125815204	2NT		TO	7.25	HO	7.75	SI	6.5	21.5	22.5
12	TDV009445	TRẦN THÚY HẰNG	25/01/1997	Nữ	187637659	2NT		TO	7	HO	7.75	SI	6.5	21.25	22.25
13	YTB006440	NGUYỄN VĂN HẢI	26/06/1997	Nam	145773146	2NT		TO	6.5	HO	7.5	SI	7.25	21.25	22.25
14	DCN010910	NGUYỄN THỊ THUẬN	27/04/1997	Nữ	168502980	2NT		TO	7.5	HO	6.75	SI	7	21.25	22.25
15	DCN009043	NGUYỄN THỊ MINH	14/02/1997	Nữ	168570256	2NT		TO	7.25	HO	7.5	SI	6.5	21.25	22.25
16	TND016718	TRẦN THỊ HỒNG MƠ	05/09/1996	Nữ	122221304	1	01	TO	7	HO	6	SI	5.75	18.75	22.25
17	TND007530	TRẦN THU HẰNG	14/09/1997	Nữ	091914651	2NT		TO	7.5	HO	7.5	SI	6.25	21.25	22.25
18	YTB014021	NGUYỄN THỊ MAI	12/09/1996	Nữ	145683341	2NT		TO	7	HO	8.5	SI	6.25	21.75	22.75
19	HDT008089	TRẦN THỊ HẰNG	01/09/1997	Nữ	164597809	2NT		TO	7.5	HO	7.75	SI	6.5	21.75	22.75
20	BKA010363	ĐOÀN THỊ PHƯƠNG	03/08/1996	Nữ	163277641	2NT		TO	7.75	HO	7.25	SI	6.5	21.5	22.5
21	THP006035	NGUYỄN THỊ HUỆ	24/06/1997	Nữ	142861007	2NT		TO	7.25	HO	7.25	SI	6.75	21.25	22.25
22	HVN011036	NGUYỄN THỊ HUYỀN	18/08/1996	Nữ	142820050	2NT		TO	7	HO	7	SI	7.5	21.5	22.5
23	TND019334	MẠC THỊ KIỀU OANH	09/08/1997	Nữ	122201468	1		TO	7	HO	7.5	SI	6.25	20.75	22.25

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	CMND	KV ƯT	ĐT ƯT	Môn 1		Môn 2		Môn 3		Tổng điểm chưa có ƯT	Tổng điểm có ƯT
24	TND019908	NGUYỄN BÍCH PHƯƠNG	08/02/1997	Nữ	122284226	1		TO	7	HO	7.5	SI	6.25	20.75	22.25
25	THP000006	CAO THỊ THU AN	11/02/1997	Nữ	142855147	2		TO	7.5	HO	8	SI	6.25	21.75	22.25
26	THV000553	NGUYỄN VÂN ANH	04/12/1997	Nữ	061084019	1		TO	8.25	HO	7.5	SI	5.5	21.25	22.75
27	TDV014462	PHAN THỊ HƯƠNG	20/10/1997	Nữ	187638541	1		TO	7.5	HO	7.25	SI	6.5	21.25	22.75
28	YTB003546	NGUYỄN THỊ DUNG	14/10/1996	Nữ	145711950	2NT		TO	7	HO	7	SI	7.25	21.25	22.25
29	THP010467	PHẠM THỊ NGỌC	11/06/1997	Nữ	142844845	2NT		TO	7.5	HO	7.5	SI	6.25	21.25	22.25
30	KQH014269	NGUYỄN QUỐC TOẢN	07/08/1996	Nam	060996133	1	01	TO	6.5	HO	7.5	SI	6.5	20.5	24
31	YTB001867	BÙI THỊ NGỌC BÍCH	09/04/1997	Nữ	152139824	2		TO	7	HO	7.25	SI	7.5	21.75	22.25
32	BKA011215	TRẦN THỊ SIM	11/07/1997	Nữ	163403241	2NT		TO	7.25	HO	6.75	SI	7.25	21.25	22.25
33	THP001143	CAO XUÂN BÁCH	19/04/1997	Nam	142798451	2NT		TO	7.25	HO	7.75	SI	6.5	21.5	22.5
34	THP005848	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	02/08/1997	Nữ	142917178	1		TO	8	HO	7	SI	7.25	22.25	23.75
35	HVN007323	TRẦN THỊ NGÂN	05/04/1997	Nữ	125782693	2NT		TO	7	HO	7.5	SI	6.75	21.25	22.25
36	TND005482	ĐẶNG MINH ĐỨC	25/11/1997	Nam	091744654	1		TO	7.25	HO	7	SI	6.5	20.75	22.25
37	THV007516	NGUYỄN ĐÀM TÚ LINH	16/11/1997	Nữ	061051442	1		TO	7.25	HO	7.75	SI	6	21	22.5
38	THP008748	ĐẶNG HOÀNG LONG	12/05/1996	Nam	142728392	2NT		TO	6.5	HO	7.5	SI	8.5	22.5	23.5
39	HVN003993	TRẦN THỊ HOÀI	16/05/1997	Nữ	125674797	2		TO	8.5	HO	7	SI	6.25	21.75	22.25
40	KQH014120	TRẦN THỊ KIM TIẾN	23/11/1997	Nữ	001197002094	2		TO	6.5	HO	7.5	SI	7.75	21.75	22.25
41	KQH014485	NGÔ THỊ HUYỀN	23/08/1997	Nữ	013535561	2	07	TO	7	HO	7.25	SI	6.5	20.75	22.25
42	THP008082	NGUYỄN THỊ BÍCH LIÊN	08/05/1997	Nữ	142883051	2NT		TO	8.25	HO	8	SI	5	21.25	22.25
43	TND018670	ĐÀO Ý NHI	29/10/1996	Nữ	082303159	1		TO	6.5	HO	7.75	SI	6.5	20.75	22.25
44	THV013851	NGUYỄN THỊ QUỲNH	14/01/1996	Nữ	132273526	1		TO	6.25	HO	7	SI	7.5	20.75	22.25
45	YTB007809	TRẦN TRUNG HIẾP	17/07/1997	Nam	145757629	2NT		TO	7.5	HO	8.25	SI	5.5	21.25	22.25
46	THP011050	NGUYỄN THỊ NINH	27/12/1996	Nữ	142726508	2NT		TO	8	HO	6.75	SI	6.5	21.25	22.25
47	THV000050	VI VŨ HOÀI AN	25/05/1997	Nữ	132336459	1		TO	7	HO	7	SI	7.25	21.25	22.75
48	YTB002235	ĐỖ NGỌC CHI	09/04/1997	Nữ	152155903	2		TO	6.75	HO	8.5	SI	8.5	23.75	24.25
49	YTB010863	QUÁCH THỊ HƯƠNG	19/10/1997	Nữ	145770601	2		TO	7.5	HO	7.5	SI	6.75	21.75	22.25
50	THV000973	NGUYỄN THỊ BÍCH	01/11/1997	Nữ	132243719	1		TO	6.75	HO	7	SI	7	20.75	22.25

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG
(Ký tên, đóng dấu)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KỸ THUẬT Y TẾ HẢI DƯƠNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG
TS.Phạm Xuân Thành

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KỸ THUẬT Y TẾ HẢI DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hải Dương, Ngày 24 tháng 08 năm 2015

DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN
ĐỢT XÉT TUYỂN: TUYỂN SINH NGUYỆN VỌNG 1
NGÀNH: ĐẠI HỌC ĐIỀU DƯỠNG

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	CMND	KV ƯT	ĐT ƯT	Môn 1		Môn 2		Môn 3		Tổng điểm chưa có ƯT	Tổng điểm có ƯT
1	DCN004866	BÙI THỊ THANH HUYỀN	04/11/1997	Nữ	168576240	2NT		TO	7	HO	7	SI	7.5	21.5	22.5
2	HDT018650	ĐỖ THỊ HỒNG NHUNG	02/10/1997	Nữ	174663863	1		TO	8	HO	8	SI	5.25	21.25	22.75
3	HVN008330	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	14/05/1996	Nữ	125744720	2NT		TO	7.5	HO	8.75	SI	7.75	24	25
4	THP002142	ĐỖ THỊ DOAN	23/10/1997	Nữ	142795608	2NT		TO	7	HO	8.25	SI	7.25	22.5	23.5
5	KQH016561	LÊ THỊ YẾN	18/11/1997	Nữ	017347539	2		TO	6.75	HO	7.75	SI	8	22.5	23
6	KQH004006	NGUYỄN THỊ HẠNH	18/08/1997	Nữ	013542543	2		TO	7.5	HO	8	SI	6.75	22.25	22.75
7	THP006677	PHẠM THỊ THU HUYỀN	31/03/1997	Nữ	031197000892	3		TO	7	HO	7.75	SI	7.5	22.25	22.25
8	TDV021302	NGUYỄN THỊ NGỌC	27/08/1996	Nữ	187367446	1		TO	7.25	HO	6.75	SI	7	21	22.5
9	LNH007919	KIM NAM SƠN	17/09/1997	Nam	017435713	2		TO	6.5	HO	8	SI	7.25	21.75	22.25
10	THP005963	NGUYỄN THỊ HUẾ	30/04/1997	Nữ	142920050	2		TO	7	HO	8	SI	7	22	22.5
11	THP015305	NGUYỄN THU TRANG	30/12/1997	Nữ	142860568	2NT		TO	7.5	HO	8	SI	7.75	23.25	24.25
12	THP013332	MẠC THỊ THẢO	08/05/1997	Nữ	142759210	2NT		TO	7.5	HO	7	SI	7	21.5	22.5
13	HVN003011	NGUYỄN THỊ HỒNG	07/09/1997	Nữ	125815307	2NT		TO	8	HO	7	SI	6.5	21.5	22.5
14	TDV032304	LÊ THỊ HÀ TRANG	13/11/1996	Nữ	184211678	2		TO	7.25	HO	6.75	SI	8	22	22.5
15	KHA007682	NGHIÊM THỊ NỤ	22/05/1997	Nữ	017293263	2		TO	8.75	HO	8	SI	6.5	23.25	23.75
16	HVN009616	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	03/07/1997	Nữ	125820153	2NT		TO	6.5	HO	7.75	SI	7.5	21.75	22.75
17	THP000882	TRẦN THỊ VÂN ANH	04/07/1996	Nữ	142754838	2NT		TO	7.5	HO	8	SI	6	21.5	22.5
18	DCN011882	NGUYỄN THỊ TRANG	14/03/1996	Nữ	017462610	2		TO	9	HO	8.75	SI	6.5	24.25	24.75
19	THP008658	NGÔ THỊ LOAN	09/09/1997	Nữ	142815093	2NT		TO	8	HO	8.5	SI	6.75	23.25	24.25
20	YTB016332	ĐÀO THỊ NHUNG	11/12/1997	Nữ	145836307	2NT		TO	7	HO	8.25	SI	6.75	22	23
21	THP016997	NGUYỄN THỊ XUÂN	08/02/1997	Nữ	142845881	2NT	06	TO	7.5	HO	7.5	SI	6.5	21.5	23.5
22	HVN005531	NGUYỄN THỊ LAN	15/09/1997	Nữ	125672657	2NT		TO	7.5	HO	7.5	SI	6.75	21.75	22.75
23	YTB019820	NGUYỄN THỊ THẢO	08/05/1997	Nữ	152154064	2NT		TO	7.25	HO	7.5	SI	6.75	21.5	22.5

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	CMND	KV ƯT	ĐT ƯT	Môn 1		Môn 2		Môn 3		Tổng điểm chưa có ƯT	Tổng điểm có ƯT
24	THP014344	NGUYỄN THỊ THU THỦY	22/07/1997	Nữ	142806373	2NT		TO	7	HO	7.75	SI	7	21.75	22.75
25	THP006656	PHẠM THỊ HUYỀN	24/08/1997	Nữ	142798559	2NT	06	TO	7.25	HO	7.5	SI	7.5	22.25	24.25
26	TND023141	NGUYỄN THỊ THẢO	02/01/1997	Nữ	122207006	1		TO	7.75	HO	6.75	SI	7.25	21.75	23.25
27	HHA012956	NGUYỄN THỊ THANH	01/11/1997	Nữ	031998246	2	06	TO	7.25	HO	8.25	SI	6	21.5	23
28	THP009002	NGUYỄN PHÚ LƯƠNG	26/01/1992	Nam	142570019	2	06	TO	7.5	HO	7.75	SI	7.25	22.5	24
29	DCN002709	NGUYỄN THỊ GIANG	30/05/1997	Nữ	017505930	2		TO	7	HO	7.5	SI	7.25	21.75	22.25
30	SPH015095	NGUYỄN THỊ THANH	03/08/1997	Nữ	026197001002	1		TO	7.25	HO	7.25	SI	6.5	21	22.5
31	THP010919	NGUYỄN THỊ HỒNG	30/12/1997	Nữ	142822217	2NT		TO	7.25	HO	8.75	SI	7	23	24
32	THP017200	PHẠM THỊ HẢI YẾN	16/08/1997	Nữ	142845887	2NT		TO	8.25	HO	8	SI	6.5	22.75	23.75
33	THP011178	NGUYỄN THỊ OANH	28/04/1997	Nữ	142759196	2NT		TO	7.5	HO	7.25	SI	7	21.75	22.75
34	THV009731	NGUYỄN THỊ HOA NHÀI	18/07/1997	Nữ	132316370	2NT		TO	8	HO	7.5	SI	7.75	23.25	24.25
35	HHA011616	ĐOÀN THỊ NGỌC	11/03/1997	Nữ	031975087	3		TO	8.25	HO	7.5	SI	6.75	22.5	22.5
36	HHA005690	VƯƠNG ÁNH HỒNG	27/11/1997	Nữ	101302512	2NT		TO	6	HO	8.25	SI	7.25	21.5	22.5
37	SPH010668	PHẠM TIẾN LUẬN	16/03/1997	Nữ	001197005177	2		TO	7.25	HO	7.5	SI	7.5	22.25	22.75
38	YTB017640	PHẠM THỊ PHƯỢNG	24/08/1997	Nữ	152259527	2NT		TO	8.25	HO	7.25	SI	6.5	22	23
39	THV000384	NGUYỄN MAI ANH	26/07/1997	Nữ	132274709	1		TO	6.25	HO	7.25	SI	7.25	20.75	22.25
40	HVN005623	NGUYỄN VĂN LÂM	23/04/1997	Nam	125744448	2NT		TO	6.75	HO	8.25	SI	7	22	23
41	THP014575	NHỮ THỊ THANH THƯ	28/05/1996	Nữ	142773533	2NT		TO	7.5	HO	7.75	SI	6.25	21.5	22.5
42	THP016969	DƯƠNG THỊ XUÂN	04/07/1997	Nữ	142891646	2NT		TO	7.5	HO	8.5	SI	6.75	22.75	23.75
43	KQH006578	ĐỖ THỊ HƯƠNG	02/11/1997	Nữ	001197002608	2		TO	7.5	HO	7.5	SI	7	22	22.5
44	THP013781	NGUYỄN THỊ NGỌC	02/10/1996	Nữ	142708911	2NT		TO	6	HO	7.75	SI	7.5	21.25	22.25
45	HVN000214	LÊ THỊ LAN ANH	12/03/1996	Nữ	013299895	2		TO	7.25	HO	7.25	SI	7.25	21.75	22.25
46	THP000980	VŨ THỊ VÂN ANH	18/05/1997	Nữ	142851442	2		TO	6.5	HO	8.5	SI	7.5	22.5	23
47	THP011666	PHẠM LAN PHƯƠNG	15/11/1997	Nữ	142785776	2NT		TO	8	HO	7.5	SI	7.5	23	24
48	THP010862	ĐẶNG MAI NHUNG	19/03/1997	Nữ	142806679	2NT		TO	7	HO	7.5	SI	8.25	22.75	23.75
49	HVN001534	NGUYỄN THỊ NGỌC	06/11/1997	Nữ	125722402	2NT		TO	7.5	HO	7.25	SI	6.75	21.5	22.5
50	HVN010440	NGUYỄN THỊ THÚY	31/10/1997	Nữ	125843642	2NT		TO	7.5	HO	8	SI	6.25	21.75	22.75
51	THP014521	VŨ THỊ THÚY	12/01/1997	Nữ	142779993	2NT		TO	7	HO	7.75	SI	6.75	21.5	22.5
52	THP008581	VŨ ĐỨC LINH	18/07/1997	Nam	142894054	2NT		TO	7.25	HO	8.5	SI	6.5	22.25	23.25
53	THP014138	VŨ THỊ THU	31/01/1997	Nữ	142738985	2NT		TO	7.25	HO	7	SI	7.25	21.5	22.5
54	YTB014299	LÊ THỊ MAY	16/02/1997	Nữ	145734393	2NT		TO	7.5	HO	8.25	SI	7	22.75	23.75
55	YTB015318	HÀ THỊ NGÁT	18/12/1997	Nữ	152153584	2NT		TO	8	HO	7.75	SI	5.75	21.5	22.5
56	BKA002169	VŨ THỊ THÙY DUNG	11/02/1996	Nữ	163331129	2NT		TO	6.25	HO	8	SI	7.25	21.5	22.5
57	HVN010554	NGUYỄN THỊ THƯƠNG	09/03/1997	Nữ	125823000	2NT		TO	7.5	HO	7.5	SI	6.5	21.5	22.5
58	THP005968	PHẠM HỒNG HUẾ	02/08/1997	Nữ	142881773	2NT	06	TO	7	HO	8	SI	6.5	21.5	23.5
59	THP003738	HOÀNG THỊ HÀ	11/03/1997	Nữ	142806625	2NT		TO	8	HO	8	SI	7.5	23.5	24.5

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	CMND	KV UT	ĐT UT	Môn 1		Môn 2		Môn 3		Tổng điểm chưa có UT	Tổng điểm có UT
60	THP011517	HỒ THỊ PHƯƠNG	07/04/1997	Nữ	142814211	2NT		TO	7.5	HO	7.5	SI	7.5	22.5	23.5
61	THP009009	NGUYỄN VĂN LƯƠNG	12/03/1997	Nam	142809774	2NT		TO	6.75	HO	7.5	SI	7.25	21.5	22.5
62	THP010635	PHẠM THỊ MINH	15/12/1997	Nữ	142783899	2NT		TO	8	HO	8	SI	6.5	22.5	23.5
63	TND029142	NGUYỄN THỊ VÂN	27/05/1996	Nữ	122172061	1		TO	7.25	HO	7.5	SI	6.25	21	22.5
64	SPH004486	HÀ THỊ GIANG	10/04/1996	Nữ	091773030	1		TO	7.25	HO	7.5	SI	6.25	21	22.5
65	HHA007659	NGUYỄN THỊ LÊ	24/02/1996	Nữ	142814442	2NT		TO	7.5	HO	8	SI	6.5	22	23
66	THP010680	PHAN THỊ NHÀI	01/02/1997	Nữ	142843115	2NT		TO	7.25	HO	8	SI	7	22.25	23.25
67	THP004699	TRẦN THỊ HẬU	25/04/1997	Nữ	142818257	2NT		TO	7.5	HO	7.75	SI	6.75	22	23
68	DCN004561	NGUYỄN THỊ HUỆ	19/10/1995	Nữ	125684309	2NT		TO	7.25	HO	7.75	SI	7	22	23
69	HHA012838	HOÀNG THỊ THẢO	15/02/1997	Nữ	101246966	2		TO	6	HO	8	SI	7.75	21.75	22.25
70	YTB019374	TRẦN THỊ THANH	22/10/1997	Nữ	152173068	2NT		TO	7.5	HO	7.5	SI	6.5	21.5	22.5
71	THP003180	PHẠM VĂN ĐỊNH	18/07/1997	Nam	142844689	2NT		TO	7.25	HO	8.25	SI	6.25	21.75	22.75
72	SPH008363	NGUYỄN THỊ HƯƠNG	27/01/1997	Nữ	135823116	2		TO	7.5	HO	7	SI	7.5	22	22.5
73	BKA005543	NGUYỄN THỊ HUẾ	29/07/1996	Nữ	142812078	2NT		TO	7.5	HO	7.75	SI	7.5	22.75	23.75
74	THP011333	PHẠM THỊ PHONG	30/03/1997	Nữ	142786410	2NT		TO	9	HO	7.5	SI	6.5	23	24
75	THP009175	HOÀNG THỊ MAI	10/06/1997	Nữ	142759470	2NT		TO	7.25	HO	7.75	SI	7	22	23
76	HHA004536	ĐỖ THỊ HIỀN	13/01/1997	Nữ	031919684	3		TO	7.25	HO	8.25	SI	7	22.5	22.5
77	THP006440	ĐỖ THỊ HUYỀN	20/09/1997	Nữ	142795604	2NT		TO	7	HO	8.5	SI	6	21.5	22.5
78	YTB025278	TRỊNH VĂN VỊNH	24/12/1997	Nam	145867788	2NT		TO	6.25	HO	8.75	SI	6.5	21.5	22.5
79	HDT005459	ĐỖ ÍCH ĐĂNG	12/04/1997	Nam	174819988	2NT	06	TO	6.75	HO	7.5	SI	6.5	20.75	22.75
80	THP005593	PHẠM THẾ HOÀN	05/10/1996	Nam	142736865	2NT		TO	6	HO	8	SI	7.25	21.25	22.25
81	THP016186	NGUYỄN SỸ TÙNG	08/02/1997	Nam	142863730	2NT	06	TO	7.75	HO	8	SI	7.25	23	25
82	HHA011906	PHẠM THỊ SÁU	05/10/1996	Nữ	142776579	2NT		TO	7.5	HO	7.5	SI	7.75	22.75	23.75
83	THP006719	TRỊNH MỸ HUYỀN	03/05/1996	Nữ	142855511	2		TO	5.75	HO	8.25	SI	8	22	22.5
84	TND028500	TRẦN THỊ TUYỀN	06/10/1997	Nữ	122266268	1		TO	7	HO	7.25	SI	6.75	21	22.5
85	HVN010833	LẠI THỊ PHƯƠNG TRÀ	18/03/1997	Nữ	125843486	2NT		TO	7.25	HO	7.75	SI	6.75	21.75	22.75
86	YTB022639	LÊ THỊ NGỌC TRANG	19/10/1997	Nữ	145734846	2NT		TO	7	HO	8	SI	6.5	21.5	22.5
87	THP010277	BÙI THỊ CẨM NGỌC	08/11/1997	Nữ	142821980	2NT		TO	7.25	HO	7.75	SI	6.5	21.5	22.5
88	YTB005892	HOÀNG THỊ THU HÀ	16/04/1997	Nữ	145754881	2NT		TO	8.25	HO	7.5	SI	5.75	21.5	22.5
89	YTB019829	NGUYỄN THỊ THẢO	14/01/1997	Nữ	145731074	2NT		TO	7.5	HO	8.5	SI	7.25	23.25	24.25
90	THP011160	NGUYỄN THỊ OANH	07/01/1997	Nữ	142821944	2NT		TO	6.75	HO	8.75	SI	6.25	21.75	22.75
91	DCN001770	TRẦN THỊ DUNG	03/12/1997	Nữ	017296477	2		TO	6.75	HO	7.5	SI	8.5	22.75	23.25
92	THP008294	MAI THỊ TUYẾT LINH	06/07/1997	Nữ	142922678	2		TO	6.75	HO	8	SI	8	22.75	23.25
93	THP006054	PHẠM THỊ HUỆ	19/12/1997	Nữ	142917190	1		TO	8	HO	7.5	SI	6.75	22.25	23.75
94	THV002263	PHẠM ANH DŨNG	10/10/1997	Nam	132371698	1		TO	6.5	HO	7	SI	7.5	21	22.5
95	THP013915	NGUYỄN THỊ THOA	14/11/1997	Nữ	142806170	2NT		TO	7	HO	7.5	SI	8.75	23.25	24.25

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	CMND	KV ƯT	ĐT ƯT	Môn 1		Môn 2		Môn 3		Tổng điểm chưa có ƯT	Tổng điểm có ƯT
96	TND026128	ĐOÀN THỊ THU TRANG	30/04/1997	Nữ	122249045	1		TO	7.5	HO	7.25	SI	8.5	23.25	24.75
97	THP015623	TRẦN XUÂN TRÚC	29/03/1996	Nam	142852501	2		TO	6	HO	8.25	SI	7.5	21.75	22.25
98	YTB013490	TRẦN HUY LONG	08/08/1997	Nam	145741009	2		TO	6.25	HO	8.5	SI	7.25	22	22.5
99	TLA003344	TRẦN ĐỨC ĐẠT	15/09/1997	Nam	017401949	3		TO	7.5	HO	7.5	SI	7.25	22.25	22.25
100	LNH010984	NGUYỄN THỊ HẢI YẾN	04/02/1997	Nữ	113667959	1		TO	7.5	HO	7	SI	6.5	21	22.5
101	HVN006565	HOÀNG THỊ MAI	28/04/1997	Nữ	125820803	2NT		TO	8.75	HO	7.5	SI	5.25	21.5	22.5
102	THP006493	LÊ THỊ HUYỀN	08/02/1997	Nữ	142795589	2NT		TO	6.75	HO	8.25	SI	7.5	22.5	23.5
103	THV009184	PHẠM THỊ THÚY NGA	16/02/1997	Nữ	132368133	2	06	TO	7	HO	7.5	SI	7.75	22.25	23.75
104	HVN004139	NGUYỄN THỊ HỌC	18/12/1996	Nữ	125607536	2NT	06	TO	7.5	HO	7.5	SI	6.25	21.25	23.25
105	THP005865	PHẠM THỊ HỒNG	21/02/1997	Nữ	142759183	2NT		TO	7	HO	7.75	SI	6.75	21.5	22.5
106	THP014347	NGUYỄN THỊ THU THỦY	29/11/1997	Nữ	142797812	2NT		TO	7.5	HO	7.75	SI	6.5	21.75	22.75
107	THP013438	NGUYỄN THỊ THU THẢO	15/02/1997	Nữ	142805810	2NT		TO	7	HO	8	SI	7.25	22.25	23.25
108	HVN006777	ĐINH THỊ MINH	15/05/1997	Nữ	125795174	2NT		TO	7.5	HO	7.5	SI	6.75	21.75	22.75
109	SPH012679	TRẦN THỊ BÍCH NGỌC	21/12/1997	Nữ	013555011	2		TO	6	HO	7.25	SI	8.5	21.75	22.25
110	TND013374	NÔNG THỊ NGỌC LAN	14/07/1997	Nữ	082318910	1	01	TO	7.25	HO	6.75	SI	5.5	19.5	23
111	HVN009068	NGUYỄN NHƯ SƠN	04/04/1996	Nam	125617296	3		TO	8	HO	8.25	SI	8.5	24.75	24.75
112	TND014403	NGUYỄN MAI LINH	19/10/1997	Nữ	122234599	1		TO	6.75	HO	8.5	SI	5.75	21	22.5
113	THP014705	PHẠM THỊ THÙY TIÊN	29/05/1997	Nữ	142806490	2NT		TO	6.5	HO	8.75	SI	8.5	23.75	24.75
114	THP007311	TẠ THỊ HƯỜNG	17/03/1996	Nữ	142731013	2NT		TO	7	HO	7.5	SI	8.5	23	24
115	TLA003884	NGUYỄN THỊ HƯƠNG	29/06/1996	Nữ	142709871	2NT		TO	7	HO	8	SI	6.5	21.5	22.5
116	THP007806	NGUYỄN THỊ LAN	08/08/1997	Nữ	142917193	1		TO	7.5	HO	8	SI	5.5	21	22.5
117	TND024937	TRẦN THỊ THÚY	02/02/1997	Nữ	122259720	1		TO	6.75	HO	7.25	SI	7	21	22.5
118	THP002749	NGUYỄN THỊ THUỲ	29/09/1997	Nữ	142817141	2NT		TO	8.25	HO	7.75	SI	7.5	23.5	24.5
119	TND008187	NGUYỄN THỊ HIỆP	10/09/1997	Nữ	122204272	1		TO	6.75	HO	8.5	SI	6.5	21.75	23.25
120	KHA009760	TRẦN THỊ THÙY	17/06/1997	Nữ	017402490	2		TO	8	HO	7.25	SI	6.75	22	22.5
121	TND023595	NGUYỄN NGỌC THẮNG	29/01/1997	Nam	122253877	1		TO	6.5	HO	8.5	SI	7.75	22.75	24.25
122	THP005487	PHẠM THỊ HÒA	11/11/1997	Nữ	142860111	2NT		TO	8.5	HO	7.25	SI	5.75	21.5	22.5
123	TQU001405	LÊ THỊ THU HÀ	18/07/1997	Nữ	071036239	1		TO	6.5	HO	7.5	SI	7.75	21.75	23.25
124	TLA010676	NGUYỄN THỊ THU	04/12/1997	Nữ	017388091	3		TO	7.25	HO	7.5	SI	7.75	22.5	22.5
125	THP005386	TRẦN THỊ HOA	02/12/1997	Nữ	142891096	2NT		TO	7.5	HO	7.75	SI	7	22.25	23.25
126	YTB019023	NGUYỄN THỊ TÂM	06/03/1997	Nữ	145734848	2NT		TO	7.75	HO	7.25	SI	6.5	21.5	22.5
127	HHA005167	VŨ THỊ HOA	05/05/1997	Nữ	101319642	1		TO	7.25	HO	7.75	SI	6.25	21.25	22.75
128	YTB015154	LƯU THỊ NGA	06/01/1997	Nữ	145709522	2NT		TO	8.5	HO	7	SI	7	22.5	23.5
129	YTB010300	VŨ THỊ HUYỀN	10/01/1996	Nữ	034196000388	2NT		TO	7	HO	8.5	SI	7	22.5	23.5
130	THP002047	ĐẶNG NGỌC DIỄM	03/08/1997	Nữ	142798201	2NT		TO	8.25	HO	7.5	SI	6.75	22.5	23.5
131	THP004525	NGUYỄN THỊ HẰNG	21/12/1997	Nữ	142880544	2NT		TO	7.25	HO	7.5	SI	7.5	22.25	23.25

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	CMND	KV ƯT	ĐT ƯT	Môn 1		Môn 2		Môn 3		Tổng điểm chưa có ƯT	Tổng điểm có ƯT
132	THP011183	PHAN THỊ KIM OANH	01/06/1996	Nữ	142856431	2		TO	6.25	HO	7.75	SI	8.5	22.5	23
133	HDT008476	NGUYỄN ĐỨC HIỀN	05/08/1996	Nam	174519264	2		TO	7.25	HO	7.25	SI	7.25	21.75	22.25
134	THP010419	NGUYỄN THỊ NGỌC	15/05/1997	Nữ	142775622	2NT		TO	6.5	HO	8	SI	7.25	21.75	22.75
135	YTB010823	PHẠM THỊ HƯƠNG	08/11/1997	Nữ	145734668	2NT		TO	7	HO	7.25	SI	7.5	21.75	22.75
136	BKA004223	ĐỖ THÚY HẰNG	10/04/1997	Nữ	163426599	2NT		TO	6.25	HO	8	SI	7.5	21.75	22.75
137	YTB008178	ĐẶNG THỊ HOA	06/07/1997	Nữ	145709582	2NT		TO	8.25	HO	8	SI	6.75	23	24
138	HVN008162	NGUYỄN NGỌC PHÚC	03/11/1997	Nam	125712405	2NT		TO	7.5	HO	6.5	SI	7.5	21.5	22.5
139	HVN006346	NGUYỄN THỊ LỚ	12/05/1997	Nữ	125782233	2NT		TO	7.25	HO	7.5	SI	6.75	21.5	22.5
140	THP012916	THÂN VĂN TÂN	31/08/1995	Nam	142752293	2NT		TO	7.75	HO	8.5	SI	5.25	21.5	22.5
141	YTB015132	ĐẶNG THỊ NGA	04/11/1997	Nữ	145709588	2NT		TO	6.75	HO	7.5	SI	7.25	21.5	22.5
142	HDT025250	PHẠM THỊ THÚY	14/04/1997	Nữ	164603776	1		TO	7	HO	7.5	SI	7	21.5	23
143	SPH009260	ĐẶNG THỊ LỆ	03/12/1997	Nữ	135910290	1		TO	8.75	HO	8	SI	5.25	22	23.5
144	HVN003509	TRẦN THỊ THU HIỀN	17/04/1997	Nữ	125822716	2NT		TO	7.75	HO	7.25	SI	7.25	22.25	23.25
145	THP002587	NGUYỄN KỲ DUYÊN	03/10/1997	Nữ	142817184	2NT		TO	7.5	HO	7.75	SI	6.5	21.75	22.75
146	THP010707	NGUYỄN THỊ NHÀN	17/08/1997	Nữ	142893768	2NT		TO	8	HO	6.75	SI	6.75	21.5	22.5
147	TND030059	NGUYỄN THỊ HẢI YẾN	28/10/1997	Nữ	122204324	1		TO	7.25	HO	6.5	SI	7.75	21.5	23
148	THP011677	PHẠM THỊ LAN	23/07/1997	Nữ	142917267	2NT		TO	7.75	HO	7.25	SI	7.25	22.25	23.25
149	THP012593	LÊ VĂN SƠN	21/09/1997	Nam	142749770	2		TO	9	HO	7.5	SI	6.5	23	23.5
150	HHA000674	NGUYỄN THỊ VÂN ANH	10/12/1997	Nữ	031937476	2		TO	8.25	HO	7.25	SI	7	22.5	23
151	THP011787	ĐỖ THỊ BÍCH PHƯỢNG	18/01/1997	Nữ	031197000770	2		TO	6.25	HO	8	SI	7.5	21.75	22.25
152	TND017575	NGÔ THỊ NGÂN	28/12/1997	Nữ	122220405	1		TO	7.5	HO	8.5	SI	6.5	22.5	24
153	HHA013264	PHẠM HÙNG THẮNG	14/11/1991	Nam	142487107	2NT		TO	7.25	HO	7.75	SI	6.5	21.5	22.5
154	TND019373	NGUYỄN THỊ OANH	26/07/1997	Nữ	122236069	1		TO	7	HO	8.5	SI	6.25	21.75	23.25
155	HVN003024	NGUYỄN THỊ HẠNH	11/11/1997	Nữ	125815579	2NT		TO	8.25	HO	7.75	SI	6.5	22.5	23.5
156	THP006888	TRƯƠNG ĐÌNH HƯNG	19/09/1996	Nam	142783300	2NT		TO	7.75	HO	7.75	SI	7.5	23	24
157	HVN002831	BÙI THỊ HẠ	24/09/1997	Nữ	125815100	2NT	06	TO	7.75	HO	7.5	SI	6.25	21.5	23.5
158	YTB000770	NGUYỄN THỊ HUỆ ANH	14/12/1997	Nữ	145816712	2NT		TO	8	HO	8.5	SI	6.25	22.75	23.75
159	THP009949	LÊ THỊ NGA	06/04/1997	Nữ	142895553	2NT		TO	7.25	HO	7.75	SI	7	22	23
160	THP011563	NGÔ THU PHƯƠNG	07/10/1997	Nữ	142852668	2		TO	7.5	HO	8.25	SI	6.5	22.25	22.75
161	THP008029	TRẦN THỊ LỆ	22/01/1997	Nữ	142882027	2NT		TO	7.25	HO	7.5	SI	7	21.75	22.75
162	TND029108	NGUYỄN THỊ BÍCH VÂN	06/08/1997	Nữ	122227111	1		TO	7.5	HO	7.5	SI	7	22	23.5
163	HVN012207	NGUYỄN THỊ VIỄN	26/10/1997	Nữ	125654385	2NT		TO	7.5	HO	8	SI	6.25	21.75	22.75
164	HHA011751	LÊ THỊ NGỌC QUỲNH	23/03/1997	Nữ	101246046	2		TO	7.25	HO	8	SI	7	22.25	22.75
165	YTB020523	NGUYỄN THỊ THIẾT	24/12/1997	Nữ	145778792	2		TO	7	HO	8.5	SI	6.5	22	22.5
166	HVN008304	NGUYỄN THỊ MINH	06/09/1997	Nữ	125761075	2NT		TO	7.5	HO	7.25	SI	7.25	22	23
167	THP001598	TRẦN NAM CHIẾN	29/04/1997	Nam	142951646	2		TO	7.5	HO	7.75	SI	7.25	22.5	23

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	CMND	KV ƯT	ĐT ƯT	Môn 1		Môn 2		Môn 3		Tổng điểm chưa có ƯT	Tổng điểm có ƯT
168	THP000710	NGUYỄN VŨ ĐỨC ANH	05/01/1997	Nam	142881177	2NT		TO	6.75	HO	7.5	SI	7.25	21.5	22.5
169	THV000966	LÊ THỊ BÍCH	10/08/1997	Nữ	061018810	1		TO	7.25	HO	7.25	SI	6.75	21.25	22.75
170	HVN005477	NGUYỄN THỊ LAM	19/11/1997	Nữ	125727611	2NT		TO	9	HO	6.5	SI	6	21.5	22.5
171	THP017257	VŨ THỊ YẾN	23/01/1997	Nữ	142814934	2NT		TO	7.5	HO	8.25	SI	6	21.75	22.75
172	TLA005372	VƯƠNG THỊ HOA	11/09/1995	Nữ	142689003	2NT		TO	7.25	HO	7.5	SI	7.75	22.5	23.5
173	YTB011793	HOA THỊ LAN	05/06/1997	Nữ	033197000121	2NT		TO	7	HO	8.5	SI	6.5	22	23
174	THP009976	NGUYỄN THỊ NGA	06/10/1997	Nữ	142784923	2NT		TO	8.25	HO	7.5	SI	6.75	22.5	23.5
175	THP013078	PHẠM THỊ THANH	30/01/1996	Nữ	142844855	2NT		TO	8.75	HO	7.5	SI	5.5	21.75	22.75
176	THP001333	NGUYỄN THỊ THANH	10/03/1997	Nữ	142845866	2NT		TO	8.5	HO	7.5	SI	7.75	23.75	24.75
177	YTB012367	BÙI THỊ LINH	29/10/1997	Nữ	145735350	2NT		TO	7.25	HO	7.75	SI	6.75	21.75	22.75
178	HHA009353	TRẦN THỊ MƠ	25/02/1997	Nữ	101335353	2NT		TO	7.25	HO	8.5	SI	7.25	23	24
179	SPH013891	VŨ HÀ PHƯƠNG	04/09/1997	Nữ	013386638	2		TO	7	HO	7.75	SI	8	22.75	23.25
180	THP000659	NGUYỄN THU PHƯƠNG	18/01/1997	Nữ	142857187	2		TO	9	HO	7.75	SI	7.5	24.25	24.75
181	TND020796	NGUYỄN THỊ NGA	05/12/1997	Nữ	122202423	1		TO	5.75	HO	8.25	SI	7.5	21.5	23
182	THV009600	TRỊNH HỒNG NGỌC	29/10/1997	Nữ	061043318	1		TO	7.75	HO	7.25	SI	6	21	22.5
183	THP010094	ĐÀO THỊ NGÁT	05/05/1996	Nữ	142718630	2NT		TO	6.75	HO	8	SI	6.75	21.5	22.5
184	THP003970	TRẦN NGỌC HÀ	26/12/1997	Nữ	142845776	2NT		TO	8.25	HO	6.5	SI	7.5	22.25	23.25
185	THP005985	VŨ THỊ HUẾ	06/06/1997	Nữ	142776867	2NT		TO	7.5	HO	7	SI	7.5	22	23
186	THP003934	PHẠM THỊ THU HÀ	06/05/1997	Nữ	142774352	2NT		TO	7.75	HO	7.5	SI	7.25	22.5	23.5
187	THP013289	ĐỒNG THỊ PHƯƠNG	06/11/1997	Nữ	142738412	2NT		TO	8	HO	8.5	SI	6.25	22.75	23.75
188	NLS015398	BÙI THỊ YẾN	01/04/1997	Nữ	142842692	1		TO	7	HO	8	SI	6.5	21.5	23
189	THP014361	NGUYỄN THỊ THÙY	14/03/1997	Nữ	142842976	2NT		TO	7.75	HO	8.5	SI	7.5	23.75	24.75
190	YTB021205	ĐẶNG THỊ THÙY	20/07/1997	Nữ	145831926	2NT		TO	7.25	HO	8	SI	6.5	21.75	22.75
191	THV002640	NGUYỄN THỊ ĐANG	16/02/1997	Nữ	132333354	1		TO	7	HO	7.25	SI	7.25	21.5	23
192	HVN001746	NGUYỄN TIẾN DŨNG	20/09/1997	Nam	125835548	2		TO	7.25	HO	7.25	SI	7.25	21.75	22.25
193	TND005136	NGUYỄN VĂN ĐIỆN	19/01/1996	Nam	122170938	1		TO	7.75	HO	7.75	SI	5.5	21	22.5
194	THV002097	NGUYỄN THỊ THÙY	12/02/1997	Nữ	132310366	1		TO	7.25	HO	6.75	SI	7.5	21.5	23
195	THP010854	ĐỖ THỊ NHUNG	09/09/1996	Nữ	142793320	2NT		TO	8.25	HO	7.25	SI	7.5	23	24
196	TND024287	VŨ THỊ MINH THƠM	04/10/1997	Nữ	122244537	1		TO	8	HO	6.75	SI	6.5	21.25	22.75
197	TND013267	HOÀNG THỊ NGỌC LAN	23/11/1997	Nữ	122202509	1		TO	7	HO	7.25	SI	7	21.25	22.75
198	THP007114	NGUYỄN THU HƯƠNG	25/09/1996	Nữ	142853096	2		TO	6.75	HO	8	SI	7.5	22.25	22.75
199	THP009959	MAI THỊ THANH NGA	19/05/1997	Nữ	031991279	2		TO	7.75	HO	8.25	SI	6.5	22.5	23
200	TND020022	NỊNH THỊ PHƯƠNG	08/07/1996	Nữ	101102401	1	01	TO	6.75	HO	6.5	SI	5.75	19	22.5
201	KQH011050	ĐOÀN THỊ PHƯỢNG	14/11/1997	Nữ	017403252	2		TO	7.75	HO	8.5	SI	7.75	24	24.5
202	THP011390	PHẠM NGUYỄN PHÚ	05/11/1997	Nam	142806485	2NT		TO	8.25	HO	7.75	SI	6	22	23
203	HVN012228	HOÀNG VĂN VIỆT	12/10/1996	Nam	125624216	2NT		TO	7	HO	8.5	SI	6	21.5	22.5

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	CMND	KV ƯT	ĐT ƯT	Môn 1		Môn 2		Môn 3		Tổng điểm chưa có ƯT	Tổng điểm có ƯT
204	YTB016004	NGUYỄN THỊ MINH	26/07/1997	Nữ	145734040	2NT		TO	7	HO	8	SI	6.5	21.5	22.5
205	THP000632	NGUYỄN THỊ VÂN ANH	01/01/1997	Nữ	142774977	2NT		TO	7.25	HO	6.75	SI	8.5	22.5	23.5
206	THV006917	NGUYỄN HƯƠNG LAN	10/04/1997	Nữ	132380378	1		TO	6.5	HO	5.75	SI	8.5	20.75	22.25
207	THP015568	TÔ THỊ TUYẾT TRINH	27/10/1997	Nữ	142821988	2NT		TO	6.5	HO	8.5	SI	6.5	21.5	22.5
208	THP014198	BÙI THU THUỶ	19/03/1997	Nữ	142739644	2		TO	8	HO	8	SI	7	23	23.5
209	THP010701	LÊ THỊ NHÀN	22/02/1997	Nữ	142891041	2NT		TO	7.5	HO	8.25	SI	6.75	22.5	23.5
210	THP001498	NGUYỄN HUỆ CHI	18/07/1996	Nữ	142748178	2		TO	6.25	HO	7.5	SI	8.75	22.5	23
211	KQH016031	ĐẶNG THỊ VÂN	29/05/1996	Nữ	142795291	2NT		TO	7	HO	7	SI	7.5	21.5	22.5
212	SPH005367	NGUYỄN PHƯƠNG	12/12/1997	Nữ	135826726	2		TO	6.5	HO	7.25	SI	8	21.75	22.25
213	THV002423	MAI THỊ DUYÊN	17/11/1997	Nữ	063485870	1		TO	7.25	HO	6.5	SI	7.25	21	22.5
214	KHA011762	LÊ THỊ MINH VƯỢNG	25/06/1997	Nữ	017378223	2		TO	8	HO	8	SI	7	23	23.5
215	THP017119	NGUYỄN THỊ HẢI YẾN	01/04/1995	Nữ	142812071	2NT		TO	7.25	HO	7	SI	7.25	21.5	22.5
216	YTB010013	NGUYỄN NGỌC HUYỀN	11/08/1997	Nữ	145755120	2NT		TO	7.25	HO	7.5	SI	6.75	21.5	22.5
217	THP017101	LÊ THỊ HẢI YẾN	20/05/1997	Nữ	142917252	2NT		TO	5.75	HO	7.5	SI	8.25	21.5	22.5
218	THP004255	HOÀNG THÚY HẠNH	08/07/1997	Nữ	142842532	2NT		TO	8	HO	7.5	SI	7.75	23.25	24.25
219	THP005941	LÊ THỊ MINH HUỆ	10/03/1996	Nữ	142843101	2NT		TO	8.25	HO	7.5	SI	6.5	22.25	23.25
220	THP005918	DƯƠNG THỊ HUỀ	14/05/1997	Nữ	142776037	2NT		TO	7	HO	7.25	SI	8.25	22.5	23.5

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG
(Ký tên, đóng dấu)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KỸ THUẬT Y TẾ HẢI DƯƠNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG
TS.Phạm Xuân Thành

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KỸ THUẬT Y TẾ HẢI DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hải Dương, Ngày 24 tháng 08 năm 2015

DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN
ĐỢT XÉT TUYỂN: TUYỂN SINH NGUYỆN VỌNG 1
NGÀNH: ĐẠI HỌC XÉT NGHIỆM Y HỌC

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	CMND	KV ƯT	ĐT ƯT	Môn 1		Môn 2		Môn 3		Tổng điểm chưa có ƯT	Tổng điểm có ƯT
1	SPH000319	ĐẶNG THỊ VÂN ANH	21/08/1997	Nữ	026197000579	2NT		TO	8.5	HO	8	SI	7.5	24	25
2	THP016545	PHẠM ĐÌNH VĂN	11/02/1997	Nam	142798284	2NT		TO	8	HO	7.5	SI	8	23.5	24.5
3	TDV017032	NGUYỄN TỐNG KHÁNH	11/02/1997	Nữ	184307039	2NT		TO	7.25	HO	7.5	SI	7.25	22	23
4	THP016953	ĐÀO THỊ XIÊM	24/11/1996	Nữ	142718620	2NT		TO	8.25	HO	7.75	SI	7	23	24
5	HDT004966	PHẠM THỊ ÁNH DƯƠNG	06/05/1997	Nữ	164612474	2NT		TO	7.25	HO	8.5	SI	6.5	22.25	23.25
6	THP002224	NGUYỄN THỊ DUNG	02/08/1997	Nữ	142806622	2NT		TO	7.25	HO	7.75	SI	8.75	23.75	24.75
7	YTB002267	NGUYỄN THỊ CHI	23/05/1995	Nữ	152067447	2NT		TO	7.25	HO	7	SI	7.5	21.75	22.75
8	HVN005259	NGUYỄN THỊ KHANH	10/09/1997	Nữ	125760884	2NT		TO	8.25	HO	7.75	SI	8	24	25
9	DCN004142	VŨ THỊ HOA	04/01/1996	Nữ	017175270	2		TO	7.25	HO	8.25	SI	6.75	22.25	22.75
10	THP016751	NGUYỄN TIẾN VIỆT	01/01/1997	Nam	142806804	2NT		TO	7	HO	8	SI	7	22	23
11	HVN007373	NGUYỄN THỊ NGHIỆP	12/11/1997	Nữ	125672922	2NT		TO	8.25	HO	8.75	SI	7	24	25
12	TTB002123	ĐOÀN THỊ HIỀN	10/12/1997	Nữ	050950091	1		TO	7.25	HO	7.5	SI	6.5	21.25	22.75
13	YTB016728	ĐẶNG THỊ KIỀU OANH	17/12/1997	Nữ	145776248	2NT		TO	6.75	HO	8	SI	8.5	23.25	24.25
14	HVN001888	TRẦN THỊ DUYÊN	01/11/1996	Nữ	125622001	2NT		TO	8.25	HO	8.25	SI	6.25	22.75	23.75
15	YTB007367	DƯƠNG THỊ HIỀN	02/09/1997	Nữ	145732284	2NT		TO	7	HO	7.75	SI	7	21.75	22.75
16	YTB012841	NGUYỄN THỊ THÙY	02/05/1997	Nữ	145321516	2NT		TO	8	HO	8.5	SI	7.5	24	25
17	BKA012592	LẠI VĂN THUẬN	10/11/1997	Nam	163412071	2NT		TO	8.25	HO	8.5	SI	7.25	24	25
18	KHA001165	NGUYỄN THỊ CHI	01/06/1997	Nữ	017510012	2		TO	7.5	HO	8.25	SI	7.25	23	23.5
19	SPH016244	ĐỖ THỊ THƠM	15/04/1996	Nữ	145644606	2NT		TO	7	HO	8.5	SI	7.5	23	24
20	YTB023095	TRẦN THỊ HÀ TRANG	11/01/1997	Nữ	152244977	2NT		TO	8.25	HO	7.75	SI	7.5	23.5	24.5
21	THV001291	PHAN THỊ YẾN CHI	09/04/1996	Nữ	132211197	2		TO	7.75	HO	7.5	SI	7.75	23	23.5
22	KQH003914	ĐỖ THỊ HỒNG HẠNH	15/09/1997	Nữ	017469045	2		TO	9	HO	8.25	SI	7.25	24.5	25
23	YTB011068	NGUYỄN THU HƯỜNG	01/10/1997	Nữ	145755925	2NT		TO	7.5	HO	7.75	SI	6.5	21.75	22.75

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	CMND	KV ƯT	ĐT ƯT	Môn 1		Môn 2		Môn 3		Tổng điểm chưa có ƯT	Tổng điểm có ƯT
24	THP013934	ĐỖ THỊ THOAN	16/05/1997	Nữ	142844806	2NT		TO	8.5	HO	7.75	SI	6	22.25	23.25
25	TQU005885	PHẠM QUỲNH TRANG	13/05/1996	Nữ	071035178	1		TO	6.5	HO	8.25	SI	6.5	21.25	22.75
26	LNH003456	QUÁCH THỊ HOÀI HOA	06/04/1997	Nữ	113667970	1	01	TO	7.25	HO	8	SI	5.25	20.5	24
27	THP007735	NGUYỄN VĂN LÃM	02/06/1997	Nam	142774175	2		TO	9	HO	8	SI	7.25	24.25	24.75
28	THP016577	HÀ THỊ VÂN	20/10/1997	Nữ	142829318	2NT		TO	6.5	HO	8.5	SI	8.25	23.25	24.25
29	YTB002569	CHU THỊ CHỢ	23/09/1997	Nữ	145816302	2NT		TO	6.5	HO	8	SI	7.25	21.75	22.75
30	THP015269	NGUYỄN THỊ TRANG	23/08/1997	Nữ	142784608	2NT		TO	8.25	HO	8.25	SI	7	23.5	24.5
31	TND007537	VI THỊ HẰNG	14/04/1995	Nữ	122114096	1	01	TO	6.5	HO	6.75	SI	6.5	19.75	23.25
32	SPH009239	DƯƠNG THỊ LỄ	19/05/1996	Nữ	101101076	1		TO	6.25	HO	7.75	SI	8.5	22.5	24
33	YTB008653	DƯƠNG VĂN HOÀNG	17/05/1997	Nam	145532100	2NT		TO	8.5	HO	8.5	SI	7	24	25
34	TTB005865	LÊ THỊ THU THẢO	30/07/1997	Nữ	040827375	1		TO	7.75	HO	7.75	SI	8	23.5	25
35	KQH003416	PHẠM THỊ GIANG	24/04/1997	Nữ	163451566	2NT		TO	6	HO	8.75	SI	7.5	22.25	23.25
36	HDT005799	ĐOÀN VĂN ĐỨC	07/05/1996	Nam	164576803	1		TO	7.25	HO	7.5	SI	6.5	21.25	22.75
37	TND000959	PHAN THỊ VÂN ANH	25/08/1997	Nữ	082328019	1		TO	7	HO	7.5	SI	7	21.5	23
38	LNH006390	TRẦN THÀNH NAM	16/11/1997	Nam	113668181	1	01	TO	7.25	HO	8	SI	5.5	20.75	24.25
39	YTB001893	PHẠM NGỌC BÍCH	09/05/1997	Nữ	152139313	2		TO	7.25	HO	7.5	SI	7.5	22.25	22.75
40	THP002229	NGUYỄN THỊ DUNG	13/01/1996	Nữ	142797468	2		TO	7.5	HO	7.75	SI	7	22.25	22.75
41	LNH010649	ĐẶNG THỊ HỒNG VÂN	18/11/1997	Nữ	001197007710	2		TO	7.25	HO	8	SI	7.5	22.75	23.25
42	LNH008616	TRẦN PHƯƠNG THẢO	25/11/1997	Nữ	113672196	1		TO	5.75	HO	8.5	SI	7.5	21.75	23.25
43	SPH005673	NGUYỄN THỊ THÚY	01/12/1997	Nữ	026197001009	1		TO	8.75	HO	7	SI	6.75	22.5	24
44	TND010277	NGUYỄN THỊ MINH HUỆ	11/10/1997	Nữ	122282192	1		TO	8	HO	8	SI	7.25	23.25	24.75
45	YTB006273	BÙI TUẤN HAI	12/09/1997	Nam	145751152	2NT		TO	8.25	HO	7.5	SI	6.25	22	23
46	TND018957	NGUYỄN THỊ HUYỀN	14/09/1997	Nữ	122270013	1		TO	7	HO	7	SI	7.25	21.25	22.75
47	THP000241	ĐỒNG THỊ LAN ANH	24/10/1997	Nữ	142738377	2NT		TO	7.25	HO	9	SI	7.5	23.75	24.75
48	THP002269	NGUYỄN THUỲ DUNG	09/01/1997	Nữ	142775372	2NT		TO	7	HO	7.25	SI	7.5	21.75	22.75
49	BKA002075	ĐINH THỊ KIM DUNG	09/06/1997	Nữ	163420663	2NT		TO	6.75	HO	8.5	SI	7	22.25	23.25
50	BKA003635	ĐOÀN THỊ HỒNG HÀ	17/08/1997	Nữ	163416843	2NT		TO	7.75	HO	7.5	SI	6.75	22	23
51	THP003795	NGUYỄN NGỌC HÀ	10/02/1996	Nam	031896648	3		TO	7.5	HO	7.25	SI	8	22.75	22.75
52	YTB014758	TRẦN THỊ TRÀ MY	22/12/1997	Nữ	152168768	2NT		TO	7.25	HO	8	SI	8	23.25	24.25
53	TTB004958	LÒ VĂN PHƯỢNG	10/06/1997	Nam	040530553	1	01	TO	6.75	HO	7.5	SI	5.25	19.5	23
54	YTB010911	TRẦN THỊ THU HƯƠNG	14/04/1997	Nữ	033197000132	2NT		TO	7.75	HO	7.5	SI	6.5	21.75	22.75
55	THP008512	PHẠM THỊ THÙY LINH	24/03/1997	Nữ	142786159	2NT		TO	7	HO	8	SI	7.5	22.5	23.5
56	YTB007135	TẠ THỊ HẰNG	20/12/1996	Nữ	145678222	2NT		TO	7	HO	8.25	SI	7.25	22.5	23.5
57	THP008090	NGUYỄN THỊ KIM LIÊN	29/07/1997	Nữ	031197002373	2	06	TO	7.25	HO	7.5	SI	6.5	21.25	22.75
58	YTB002819	ĐỖ SINH CUNG	12/12/1997	Nam	152149223	2NT		TO	6.75	HO	7.5	SI	7.5	21.75	22.75
59	THP004500	NGUYỄN THỊ HẰNG	05/03/1997	Nữ	142813921	2NT		TO	8	HO	7.5	SI	7	22.5	23.5

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	CMND	KV ƯT	ĐT ƯT	Môn 1		Môn 2		Môn 3		Tổng điểm chưa có ƯT	Tổng điểm có ƯT
60	SPH005660	NGUYỄN THỊ THU	13/01/1997	Nữ	013512178	2		TO	7.75	HO	6.25	SI	8.25	22.25	22.75
61	HVN010337	PHẠM THỊ THÚY	11/09/1997	Nữ	125681160	2NT		TO	7.5	HO	8	SI	7	22.5	23.5
62	YTB000843	NGUYỄN THỊ MINH ANH	04/10/1997	Nữ	152182302	2NT		TO	8.25	HO	6.5	SI	7.25	22	23
63	YTB020864	MAI HÀ THU	04/08/1997	Nữ	152153831	2NT		TO	6.75	HO	7.5	SI	9	23.25	24.25
64	YTB025836	NGUYỄN THỊ YẾN	22/07/1997	Nữ	145734434	2NT		TO	7	HO	8.5	SI	8	23.5	24.5
65	THP014944	LƯƠNG THỊ TOÁN	26/10/1996	Nữ	031950135	2	06	TO	7.5	HO	7	SI	7.25	21.75	23.25
66	SPH012132	LÊ THỊ THU NGA	27/03/1996	Nữ	135749494	2NT		TO	8.5	HO	7	SI	7.5	23	24
67	SPH019332	VŨ THỊ NGỌC VÂN	25/03/1997	Nữ	001197005306	2		TO	7.5	HO	8.25	SI	8.5	24.25	24.75
68	THP009221	NGUYỄN THỊ MAI	19/09/1996	Nữ	142783531	2NT		TO	6.5	HO	8.5	SI	6.75	21.75	22.75
69	YTB025650	BÙI THỊ YẾN	06/02/1997	Nữ	152197310	2		TO	7	HO	7.75	SI	7.5	22.25	22.75
70	THP002952	DƯƠNG CÔNG ĐẠT	25/01/1997	Nam	142916953	2NT		TO	7.25	HO	8.25	SI	8.25	23.75	24.75
71	HHA004306	ĐỖ THỊ HẰNG	05/01/1997	Nữ	032001899	2		TO	7.25	HO	8.5	SI	8.5	24.25	24.75
72	BKA012929	LÊ THƯƠNG THƯƠNG	01/07/1997	Nữ	163404590	2NT		TO	8	HO	7	SI	7.5	22.5	23.5
73	TLA013556	NGUYỄN HOÀI	05/06/1997	Nữ	168606828	2NT		TO	7.25	HO	7.5	SI	7	21.75	22.75
74	HHA008989	BÙI VĂN MẠNH	09/10/1997	Nam	033097000098	2		TO	7.5	HO	7.5	SI	7.5	22.5	23
75	TDV014920	NGUYỄN CẢNH KHÁNH	01/09/1997	Nam	187631945	2NT		TO	8.5	HO	6.75	SI	6.75	22	23
76	KQH003621	NGUYỄN THỊ THU HÀ	22/01/1996	Nữ	013682554	2		TO	7.5	HO	8	SI	6.75	22.25	22.75
77	TQU006284	ĐẶNG THỊ TUYỀN	11/04/1997	Nữ	071036234	1		TO	7.25	HO	8	SI	7	22.25	23.75
78	THP016147	HÀ THANH TÙNG	12/05/1997	Nam	142823770	2NT		TO	8	HO	8.5	SI	7	23.5	24.5
79	YTB009354	TRẦN THỊ HUỆ	23/10/1997	Nữ	152160993	2NT		TO	6.75	HO	8	SI	7.75	22.5	23.5
80	HDT013481	NGUYỄN THỊ NGỌC LÊ	17/09/1997	Nữ	174914029	2NT	06	TO	8.25	HO	7.75	SI	7.25	23.25	25.25
81	KHA003307	TRẦN THÚY HẰNG	30/07/1997	Nữ	163441239	2NT		TO	8.25	HO	6.5	SI	7.25	22	23
82	THV006467	PHÀN VĂN ÍM	01/11/1997	Nam	063502435	1	01	TO	6.75	HO	7.25	SI	6.5	20.5	24
83	THP006697	TRẦN THỊ HUYỀN	12/10/1997	Nữ	142813405	2NT		TO	7.25	HO	8.5	SI	7.25	23	24
84	TND001807	CHU THỊ BÌNH	14/02/1997	Nữ	122260189	1	01	TO	6	HO	6.5	SI	6.75	19.25	22.75
85	YTB015793	PHẠM THỊ BÍCH NGỌC	28/05/1997	Nữ	031197002220	2NT		TO	8	HO	8	SI	6	22	23
86	HDT009643	TRỊNH THỊ HOÀI	04/03/1997	Nữ	164597632	2NT		TO	7.5	HO	7.5	SI	7	22	23
87	TLA007342	LÊ THỊ LAN	15/10/1995	Nữ	017394964	2		TO	8	HO	8.5	SI	6.5	23	23.5
88	THP010181	NGUYỄN THỊ NGÂN	09/03/1997	Nữ	142806652	2NT		TO	7	HO	8	SI	7.5	22.5	23.5
89	THP003543	LÊ THỊ GIANG	20/03/1997	Nữ	142843391	2NT		TO	7.5	HO	8.5	SI	6	22	23
90	YTB003355	NGUYỄN THỊ DỊU	21/01/1996	Nữ	152094320	2NT		TO	7.25	HO	8.25	SI	6.5	22	23
91	YTB015907	BÙI QUỲNH NGUYÊN	17/01/1997	Nữ	152156313	2		TO	8.25	HO	8.75	SI	7.5	24.5	25
92	YTB020830	ĐÀO THỊ HOÀI THU	08/05/1997	Nữ	152161238	2NT		TO	7	HO	7.5	SI	7.25	21.75	22.75
93	THP012409	PHẠM PHƯƠNG QUỲNH	21/01/1996	Nữ	142783132	2NT		TO	8	HO	8.5	SI	7	23.5	24.5
94	THV010450	LƯƠNG THỊ PHƯƠNG	07/05/1997	Nữ	061034042	1	01	TO	7	HO	6.25	SI	6.25	19.5	23
95	HHA007455	ĐINH THẢO LAM	27/03/1997	Nữ	101305390	2NT		TO	6.75	HO	8	SI	7.25	22	23

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	CMND	KV ƯT	ĐT ƯT	Môn 1		Môn 2		Môn 3		Tổng điểm chưa có ƯT	Tổng điểm có ƯT
96	TND019214	DƯƠNG THỊ NỤ	23/01/1997	Nữ	122270014	1		TO	8.25	HO	7.5	SI	6	21.75	23.25
97	THP001431	TỐNG THỊ CHANG	22/05/1995	Nữ	061014859	1		TO	7	HO	7.75	SI	6.5	21.25	22.75
98	YTB001046	NGUYỄN VIỆT ANH	28/10/1997	Nữ	145734345	2NT		TO	8.25	HO	7.75	SI	7.5	23.5	24.5
99	HVN005836	HOÀNG THỊ MỸ LINH	15/03/1996	Nữ	113661349	1		TO	5.75	HO	8.25	SI	7.5	21.5	23
100	HHA010111	NGUYỄN NHƯ NGỌC	03/04/1997	Nữ	101217979	1		TO	8.25	HO	7.5	SI	6.5	22.25	23.75
101	KHA011832	BÙI THỊ XUYẾN	21/01/1997	Nữ	163441111	2NT		TO	8.25	HO	7.5	SI	6.5	22.25	23.25
102	YTB005881	HOÀNG NGỌC HÀ	22/05/1997	Nữ	152166229	2		TO	8	HO	7.5	SI	7	22.5	23
103	TND027168	NGUYỄN QUANG	11/11/1996	Nam	122226956	1		TO	6.75	HO	6.5	SI	8	21.25	22.75
104	KQH010811	ĐỖ THỊ PHƯƠNG	12/08/1997	Nữ	163406351	2NT		TO	8	HO	7.5	SI	6.5	22	23
105	KQH008476	NGUYỄN THỊ LUYẾN	01/01/1996	Nữ	013520322	2		TO	7	HO	8.25	SI	7.5	22.75	23.25
106	TND003691	HOÀNG THỊ DUNG	25/11/1996	Nữ	122236125	1	01	TO	6.25	HO	8	SI	5.5	19.75	23.25
107	YTB015358	ĐÀO THỊ NGÂN	28/06/1997	Nữ	145734522	2NT		TO	8	HO	8.5	SI	6.75	23.25	24.25
108	SPH008594	NGUYỄN THỊ HƯỜNG	29/03/1997	Nữ	026197000203	2NT		TO	8.5	HO	7.5	SI	6.25	22.25	23.25
109	THP013420	NGUYỄN THỊ THẢO	24/04/1997	Nữ	142890566	2NT		TO	9	HO	7.75	SI	7	23.75	24.75
110	THP012378	NGUYỄN THỊ QUỲNH	28/01/1997	Nữ	142855561	2		TO	7	HO	7.75	SI	7.5	22.25	22.75
111	YTB014721	ĐOÀN THỊ MY	07/08/1996	Nữ	050982846	1		TO	6.75	HO	8	SI	7.25	22	23.5
112	THP009957	LƯU THỊ NGA	12/12/1997	Nữ	142917287	1		TO	7	HO	7.5	SI	7.25	21.75	23.25
113	THP007775	LÊ THỊ LAN	24/10/1996	Nữ	142892429	2NT		TO	8.5	HO	8.25	SI	5.75	22.5	23.5
114	KQH010605	NGUYỄN CHÍ PHÁI	03/09/1997	Nam	163400571	2NT		TO	8	HO	8.25	SI	7.25	23.5	24.5
115	THV002067	MAI THỊ DUNG	16/02/1997	Nữ	061011272	1		TO	7	HO	7.5	SI	8	22.5	24
116	HDT024659	TRƯƠNG THỊ THUẬN	24/06/1997	Nữ	164608372	1		TO	8	HO	7	SI	6.75	21.75	23.25
117	THP009732	ĐỖ NHẬT NAM	17/11/1996	Nam	142844898	2NT		TO	6.5	HO	8.5	SI	7.25	22.25	23.25
118	KQH005720	NGUYỄN THỊ HUỆ	03/03/1995	Nữ	163342856	2NT		TO	6.75	HO	8.5	SI	6.5	21.75	22.75
119	YTB016463	NGUYỄN THỊ TUYẾT	06/01/1997	Nữ	145729773	2NT		TO	8.25	HO	8.25	SI	7.5	24	25
120	SPH004765	ĐẶNG THỊ THU HÀ	11/11/1997	Nữ	026197000971	1		TO	7.25	HO	7.5	SI	6.5	21.25	22.75
121	THP012555	CAO NGỌC SƠN	27/01/1996	Nam	142814408	2NT		TO	8.75	HO	8	SI	6.25	23	24
122	THP004258	LÊ THỊ HỒNG HẠNH	05/04/1997	Nữ	142811293	2NT		TO	8.75	HO	8.25	SI	6.25	23.25	24.25
123	TTB005490	GIÀNG A SỸ	16/10/1996	Nam	040530527	1	01	TO	7.25	HO	7.75	SI	5.75	20.75	24.25
124	HVN007232	PHẠM THỊ NGA	05/01/1997	Nữ	125805706	2NT		TO	7.75	HO	8.25	SI	7	23	24
125	THP007261	MAI THỊ THÚY HƯỜNG	09/03/1997	Nữ	142860912	2NT		TO	7	HO	7.5	SI	7.5	22	23
126	YTB000806	NGUYỄN THỊ LAN ANH	13/07/1997	Nữ	145734390	2NT		TO	7.25	HO	8.5	SI	6.5	22.25	23.25
127	YTB011675	NGUYỄN THÚY KIỀU	07/11/1997	Nữ	145904738	2NT		TO	7.25	HO	8.75	SI	6.5	22.5	23.5
128	YTB000798	NGUYỄN THỊ LAN ANH	09/11/1997	Nữ	145769307	2NT		TO	6.5	HO	7.75	SI	7.5	21.75	22.75
129	THP008251	HOÀNG THỊ LINH	16/10/1997	Nữ	142798057	2NT		TO	7.75	HO	8	SI	7	22.75	23.75
130	THP004827	NGUYỄN THỊ HIỀN	23/12/1997	Nữ	142823625	2NT		TO	8.25	HO	7.5	SI	6.25	22	23
131	THV002686	BÙI TIẾN ĐẠT	24/04/1997	Nam	132381211	1		TO	7	HO	7.75	SI	6.75	21.5	23

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	CMND	KV ƯT	ĐT ƯT	Môn 1		Môn 2		Môn 3		Tổng điểm chưa có ƯT	Tổng điểm có ƯT
132	THP005862	PHẠM THỊ HỒNG	15/07/1997	Nữ	142774424	2NT		TO	7.5	HO	6.75	SI	7.75	22	23
133	YTB016102	HÀ THỊ THANH NHÀN	05/04/1997	Nữ	152154368	2NT		TO	8.25	HO	8.25	SI	7.5	24	25

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG

(Ký tên, đóng dấu)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KỸ THUẬT Y TẾ HẢI DƯƠNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TS.Phạm Xuân Thành

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KỸ THUẬT Y TẾ HẢI DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hải Dương, Ngày 24 tháng 08 năm 2015

DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN
ĐỢT XÉT TUYỂN: TUYỂN SINH NGUYỆN VỌNG 1
NGÀNH: ĐẠI HỌC KỸ THUẬT HÌNH ẢNH Y HỌC

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	CMND	KV ƯT	ĐT ƯT	Môn 1		Môn 2		Môn 3		Tổng điểm chưa có ƯT	Tổng điểm có ƯT
1	YTB011652	BÙI TUẤN KIỆT	29/06/1997	Nam	152166559	2		TO	6.5	HO	7.25	SI	8.5	22.25	22.75
2	YTB004402	PHẠM HẢI DƯƠNG	14/06/1997	Nam	152164382	2NT		TO	7.75	HO	6.75	SI	7.5	22	23
3	THP014779	PHẠM VĂN TIẾN	01/01/1997	Nam	142811198	2NT		TO	7.25	HO	8.5	SI	8	23.75	24.75
4	TDV002143	NGUYỄN VĂN BẢO	29/04/1997	Nam	184216222	2NT		TO	7.5	HO	7	SI	7.5	22	23
5	THP008861	LÊ VĂN LỘC	05/11/1996	Nam	142728445	2NT		TO	7	HO	8.25	SI	6.5	21.75	22.75
6	HDT000584	LÊ QUỐC ANH	13/10/1997	Nam	174506839	2NT		TO	7	HO	7	SI	7.5	21.5	22.5
7	THV009311	DOÃN TRỌNG NGHĨA	18/02/1997	Nam	132375239	1	06	TO	6.25	HO	6.75	SI	7.25	20.25	22.75
8	THV010309	NGUYỄN MINH PHÚC	11/06/1996	Nam	061042157	1		TO	7.5	HO	7.5	SI	6.25	21.25	22.75
9	YTB000314	ĐINH DANH ANH	02/03/1997	Nam	152184152	2NT	06	TO	7.75	HO	7.5	SI	7.5	22.75	24.75
10	SPH016795	VŨ VĂN THÚY	29/10/1997	Nam	026097000682	1		TO	9	HO	8.25	SI	5.5	22.75	24.25
11	DCN004262	PHẠM ĐỨC HOAN	20/04/1997	Nam	168602199	2NT		TO	6.5	HO	8.75	SI	6.5	21.75	22.75
12	SPH004090	VŨ VĂN ĐIỆP	14/06/1997	Nam	135810482	1		TO	5.25	HO	8.25	SI	8.5	22	23.5
13	HDT000824	LƯƠNG QUỐC ANH	28/03/1996	Nam	174500267	2		TO	7	HO	8.5	SI	8.25	23.75	24.25
14	THP016040	NGUYỄN LƯƠNG TUẤN	04/07/1997	Nam	142880633	2NT		TO	7	HO	7.75	SI	7	21.75	22.75
15	HHA000015	HOÀNG HỮU AN	09/07/1996	Nam	031842836	3		TO	7.75	HO	8.5	SI	6.5	22.75	22.75
16	THP013459	PHẠM MINH THẢO	13/12/1991	Nam	142636769	2NT		TO	7.25	HO	7.5	SI	7.5	22.25	23.25
17	TND024005	NGUYỄN ĐĂNG THỊNH	25/03/1995	Nam	122184830	1	01	TO	6.25	HO	7.5	SI	6	19.75	23.25
18	THV013372	BÙI QUANG TIẾN	25/02/1996	Nam	132301502	1		TO	8	HO	8.25	SI	7.25	23.5	25
19	HDT008984	NGUYỄN TIẾN HIẾU	02/11/1996	Nam	174500916	2NT		TO	7	HO	7.5	SI	7.25	21.75	22.75
20	TDV010607	PHẠM MINH HIẾU	26/12/1997	Nam	187578726	1		TO	7.25	HO	7	SI	7	21.25	22.75
21	YTB002633	TRẦN VĂN CHUNG	31/01/1995	Nam	145725593	2NT		TO	7.5	HO	8	SI	6.25	21.75	22.75
22	YTB024647	NGUYỄN MINH TUYỂN	20/03/1996	Nam	152144410	2NT	06	TO	8.75	HO	6.5	SI	5.5	20.75	22.75
23	HHA015559	TẠ QUANG TUẤN	18/06/1997	Nam	101308773	2		TO	7	HO	7.25	SI	8.5	22.75	23.25

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	CMND	KV UT	ĐT UT	Môn 1		Môn 2		Môn 3		Tổng điểm chưa có UT	Tổng điểm có UT
24	TND014421	NGUYỄN PHÚ LINH	02/02/1997	Nam	122283677	1		TO	7.25	HO	7.75	SI	6.25	21.25	22.75
25	HVN007048	NGUYỄN ĐÌNH NAM	07/09/1997	Nam	125815210	2NT		TO	7.75	HO	8.5	SI	7.75	24	25
26	SPH000934	NGUYỄN QUANG ANH	26/03/1997	Nam	001097005263	2		TO	7.75	HO	7.5	SI	7.5	22.75	23.25
27	KQH007122	BÙI NGUYÊN KHOA	20/04/1997	Nam	163423776	2NT		TO	7	HO	8.75	SI	6	21.75	22.75
28	TND012602	NGUYỄN TRỌNG	01/07/1997	Nam	122219141	2		TO	7.75	HO	7.75	SI	8	23.5	24
29	TND005616	NGUYỄN TRUNG ĐỨC	12/06/1995	Nam	122214487	2		TO	6.75	HO	8	SI	8.25	23	23.5
30	THV001542	VI THÀNH CHUNG	10/09/1997	Nam	132388608	1		TO	6.5	HO	7.75	SI	7.75	22	23.5
31	HDT023880	NGUYỄN VĂN THẾ	25/03/1997	Nam	175021387	1		TO	7	HO	6.75	SI	8.25	22	23.5
32	THP007329	ĐINH XUÂN HƯỜNG	13/09/1982	Nam	031144590	2		TO	6.5	HO	9	SI	7.75	23.25	23.75
33	YTB020422	NGUYỄN VĂN THIÊM	15/11/1997	Nam	152157649	2NT		TO	7	HO	8.25	SI	7.5	22.75	23.75
34	LNH007541	ĐỖ ANH QUÂN	06/09/1997	Nam	001097005299	2		TO	7	HO	6.75	SI	8.75	22.5	23
35	HVN002359	NGUYỄN MINH ĐỨC	05/01/1994	Nam	125493518	2NT		TO	6.75	HO	8.5	SI	6.5	21.75	22.75
36	HHA013276	PHÙNG MẠNH THẮNG	03/02/1997	Nam	101259557	2		TO	7.75	HO	7.75	SI	7.25	22.75	23.25
37	KQH012985	TẠ QUANG THẮNG	10/01/1997	Nam	001097004903	2		TO	7.75	HO	8	SI	7.5	23.25	23.75
38	HVN009232	NGUYỄN NGỌC TÂN	08/01/1997	Nam	125718982	2NT		TO	6.5	HO	7.5	SI	8.5	22.5	23.5
39	YTB015917	LÊ GIA NGUYÊN	16/03/1994	Nam	151990126	2NT		TO	6.25	HO	8.5	SI	7.5	22.25	23.25
40	HVN011745	NGUYỄN VĂN TUẤN	06/05/1997	Nam	125782366	2NT		TO	8	HO	7.25	SI	6.5	21.75	22.75
41	TLA001194	TRẦN HÙNG ANH	10/02/1997	Nam	168578879	2		TO	8.25	HO	8.25	SI	6.5	23	23.5
42	THP002823	TRẦN HOÀNG DƯƠNG	10/11/1997	Nam	142950233	2		TO	7	HO	8.5	SI	7.5	23	23.5
43	YTB018758	NGUYỄN KHẮC SƠN	26/02/1997	Nam	145752303	2NT		TO	8.25	HO	8.75	SI	5.5	22.5	23.5
44	TTB007335	VƯƠNG MẠNH TƯỜNG	16/03/1997	Nam	040485599	1		TO	8	HO	7.5	SI	6.5	22	23.5
45	THP012707	TRẦN HỒNG SƠN	07/08/1997	Nam	142818149	2NT		TO	8	HO	8	SI	7.5	23.5	24.5
46	YTB009733	PHẠM QUANG HUY	25/12/1997	Nam	152155915	2NT		TO	7.25	HO	8.5	SI	7.5	23.25	24.25
47	TND007768	ĐỖ MẠNH HIỂN	18/03/1997	Nam	122234671	1		TO	6.75	HO	8.5	SI	7	22.25	23.75
48	LNH001679	QUÁCH TRỌNG DUY	12/10/1997	Nam	113615952	1	01	TO	7.25	HO	6.5	SI	6.5	20.25	23.75
49	THP013718	PHẠM HUY THẮNG	12/02/1997	Nam	142854716	2		TO	7.25	HO	7.75	SI	7.75	22.75	23.25
50	HVN003748	TRẦN VĂN HIẾU	20/04/1997	Nam	125816013	2NT		TO	6.5	HO	8.25	SI	7.5	22.25	23.25
51	THP014830	NGUYỄN ĐỨC TÍN	21/05/1997	Nam	142806714	2NT		TO	7.25	HO	8.5	SI	8	23.75	24.75
52	YTB003178	BÙI XUÂN DIỆN	25/01/1997	Nam	145755213	2NT		TO	6.5	HO	7.5	SI	7.5	21.5	22.5
53	LNH006118	DƯƠNG QUANG MINH	31/03/1997	Nam	113722343	1	06	TO	6.75	HO	6.75	SI	6.75	20.25	22.75
54	THP007418	BÙI XUÂN KHÁNH	04/10/1996	Nam	142756246	2NT		TO	8.25	HO	8	SI	7.25	23.5	24.5
55	HDT019167	LÊ VĂN OAI	04/06/1997	Nam	174665107	1		TO	7.25	HO	7.5	SI	7.25	22	23.5
56	HDT021728	NGUYỄN BÁ SƠN	05/12/1997	Nam	174665097	1		TO	7	HO	8.5	SI	6.5	22	23.5
57	HDT010912	TRẦN CÔNG HÙNG	01/03/1996	Nam	174658255	1		TO	7.25	HO	7.75	SI	7.5	22.5	24
58	KQH009327	NGUYỄN HẢI NAM	19/08/1997	Nam	013542534	2		TO	9	HO	7	SI	6.5	22.5	23
59	HHA003387	TRẦN VIỆT ĐỨC	03/02/1997	Nam	031934154	3		TO	7.25	HO	9.25	SI	6.5	23	23

TRƯỜ
ĐẠI H
KỸ THUẬT
HẢI ĐỨC

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	CMND	KV ƯT	ĐT ƯT	Môn 1		Môn 2		Môn 3		Tổng điểm chưa có ƯT	Tổng điểm có ƯT
60	HVN002000	TỐNG ĐỨC DƯƠNG	25/09/1997	Nam	125815602	2NT		TO	7.75	HO	8	SI	6.5	22.25	23.25
61	THP016069	PHẠM ANH TUẤN	19/12/1993	Nam	142697196	2NT		TO	6.5	HO	8	SI	7.5	22	23
62	THV009624	BÙI HỮU CAO NGUYÊN	13/03/1997	Nam	132309779	1		TO	7.75	HO	8	SI	6.5	22.25	23.75
63	HVN006719	TRẦN HỮU MẠNH	14/03/1997	Nam	125815865	2NT		TO	8	HO	8.5	SI	7.5	24	25
64	THP000425	NGUYỄN ĐỨC ANH	22/03/1997	Nam	142916066	2NT		TO	8	HO	8.5	SI	6.5	23	24
65	TND010916	VŨ ĐĂNG HUY	03/10/1997	Nam	082314840	1		TO	6.75	HO	9	SI	7.25	23	24.5
66	HDT017172	PHẠM NGỌC NAM	24/05/1997	Nam	174821311	2NT		TO	7	HO	8.25	SI	6.75	22	23
67	HVN006237	ĐINH BÁ LONG	24/02/1997	Nam	125843712	2NT		TO	7.75	HO	8.25	SI	6	22	23
68	TND009558	PHAN HUY HOÀNG	02/01/1997	Nam	122233617	1		TO	8.25	HO	7.75	SI	6.5	22.5	24
69	YTB021026	BÙI VĂN THUẬN	13/02/1997	Nam	145740698	2NT		TO	7	HO	9.25	SI	7.75	24	25
70	HHA008573	NGUYỄN KIM LONG	18/09/1997	Nam	101351350	1		TO	7.25	HO	7.75	SI	7.75	22.75	24.25

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG
(Ký tên, đóng dấu)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KỸ THUẬT Y TẾ HẢI DƯƠNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG
TS.Phạm Xuân Thành

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KỸ THUẬT Y TẾ HẢI DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hải Dương, Ngày 24 tháng 08 năm 2015

DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN
ĐỢT XÉT TUYỂN: TUYỂN SINH NGUYỆN VỌNG 1
NGÀNH: Y ĐA KHOA

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	CMND	KV ƯT	ĐT ƯT	Môn 1		Môn 2		Môn 3		Tổng điểm chưa có ƯT	Tổng điểm có ƯT
1	THP007616	LÊ TRUNG KIÊN	07/06/1997	Nam	142843701	2NT		TO	8.25	HO	8	SI	8	24.25	25.25
2	HHA015860	VŨ VĂN TUYỀN	20/04/1997	Nam	101236726	2NT		TO	7	HO	8.5	SI	8.75	24.25	25.25
3	YTB014357	HÀN HÀ MI	07/01/1997	Nữ	145737471	2NT		TO	7.75	HO	9	SI	7.5	24.25	25.25
4	YTB025285	VŨ THỊ VỞ	26/02/1996	Nữ	152132468	2NT		TO	8.25	HO	8.5	SI	7.5	24.25	25.25
5	HVN004915	BÙI MINH HƯƠNG	10/04/1995	Nữ	013174718	3		TO	9	HO	9.25	SI	7.75	26	26
6	DCN001464	LÊ HOÀNG NHƯ CƯƠNG	12/05/1997	Nam	017518157	2		TO	7	HO	8.5	SI	9	24.5	25
7	YTB015323	NGUYỄN HỒNG NGÁT	03/08/1997	Nữ	145760053	2NT		TO	8.25	HO	9.25	SI	7	24.5	25.5
8	THP007054	NGUYỄN THỊ HƯƠNG	23/03/1996	Nữ	142719346	2NT		TO	8.25	HO	8.5	SI	7.5	24.25	25.25
9	THP004895	TRẦN THỊ HIỀN	14/08/1997	Nữ	142784621	2NT		TO	7.75	HO	8.5	SI	8.25	24.5	25.5
10	HVN004634	NGUYỄN NGỌC HUYỀN	03/03/1997	Nữ	125672101	2NT		TO	8.5	HO	8.5	SI	7.5	24.5	25.5
11	THP006970	HOÀNG THỊ LAN	04/10/1997	Nữ	142880260	2NT		TO	8.25	HO	8.5	SI	7.5	24.25	25.25
12	THP009152	CAO THỊ MAI	19/10/1997	Nữ	142891896	2NT		TO	8.25	HO	7.5	SI	8.5	24.25	25.25
13	YTB023913	NGUYỄN HỮU TUẤN	11/03/1994	Nam	145532075	2NT		TO	7	HO	8.5	SI	8.5	24	25
14	TND023124	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	21/03/1996	Nữ	122163963	1		TO	7	HO	8.5	SI	8	23.5	25
15	HHA013762	LƯU THỊ THÚY	12/09/1996	Nữ	142772058	2NT		TO	8	HO	8.75	SI	8.25	25	26
16	YTB001133	PHẠM THỊ KIM ANH	06/10/1997	Nữ	145734590	2NT		TO	8	HO	7.5	SI	8.5	24	25
17	THP003486	NGUYỄN THỊ GẤM	25/09/1996	Nữ	142783119	2NT		TO	8	HO	7.75	SI	8.5	24.25	25.25
18	YTB003188	PHẠM ĐỨC DIỆN	25/01/1997	Nam	145831411	2		TO	7	HO	8.5	SI	9	24.5	25
19	THP016484	NGUYỄN THỊ NGỌC	28/01/1997	Nữ	142853701	2		TO	6.75	HO	9.25	SI	8.75	24.75	25.25
20	BKA009552	NGUYỄN TÚ NGỌC	13/07/1997	Nữ	163421288	2		TO	7.5	HO	7.5	SI	9.5	24.5	25
21	HHA012612	NGUYỄN HÀ THÀNH	10/12/1997	Nam	101214154	1		TO	7.75	HO	8.25	SI	7.75	23.75	25.25
22	THP013011	ĐẶNG THỊ PHƯƠNG	25/01/1996	Nữ	142820281	2NT		TO	7.5	HO	9	SI	7.75	24.25	25.25
23	TTB003986	CAO ANH MINH	13/07/1997	Nam	040483388	1		TO	7.5	HO	8.5	SI	8	24	25.5

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	CMND	KV ƯT	ĐT ƯT	Môn 1		Môn 2		Môn 3		Tổng điểm chưa có ƯT	Tổng điểm có ƯT
24	BKA008210	NGUYỄN THỊ LUYẾN	30/10/1997	Nữ	163420679	2NT		TO	9	HO	8	SI	7.5	24.5	25.5
25	THP004105	LÊ VĂN HẢI	11/06/1997	Nam	142785720	2NT		TO	9	HO	8.25	SI	7.25	24.5	25.5
26	HHA008742	NGUYỄN ĐỨC LƯƠNG	30/04/1995	Nam	142697907	2NT		TO	7.5	HO	8.25	SI	8.5	24.25	25.25
27	THP012570	ĐẶNG HOÀI SƠN	24/03/1997	Nam	142806855	2NT		TO	8.25	HO	8.5	SI	7.5	24.25	25.25
28	KQH015030	NGUYỄN TIẾN TRUNG	09/08/1997	Nam	001097004432	2		TO	7.25	HO	8.75	SI	8.5	24.5	25
29	THP005284	HOÀNG THỊ HOA	21/08/1997	Nữ	142816656	2NT		TO	7.25	HO	8.75	SI	8	24	25
30	THP000702	NGUYỄN VIỆT ANH	11/06/1997	Nam	142920075	2NT		TO	7.25	HO	9.5	SI	7.5	24.25	25.25
31	SPH003263	NGUYỄN TRUNG DŨNG	20/08/1995	Nam	017355835	2		TO	7	HO	8.5	SI	9	24.5	25
32	DCN002830	HOÀNG HỒNG HÀ	04/09/1997	Nữ	168570380	2NT		TO	7.5	HO	8.5	SI	8	24	25
33	YTB015504	PHẠM VĂN NGHĨA	18/09/1996	Nam	152111895	2NT		TO	8.25	HO	8.75	SI	7.25	24.25	25.25
34	HVN012052	NGUYỄN TỐ UYÊN	16/02/1997	Nữ	125782938	2NT		TO	8.25	HO	8.5	SI	7.75	24.5	25.5
35	THP004830	NGUYỄN THỊ HIỀN	24/05/1995	Nữ	142752233	2NT		TO	8	HO	8	SI	8.25	24.25	25.25
36	THV008188	ĐƯỜNG VINH LƯƠNG	26/07/1997	Nam	063480256	1		TO	6.5	HO	9.25	SI	8.5	24.25	25.75
37	TQU006565	LÒ THỊ XUÂN	27/04/1997	Nữ	071030194	1	01	TO	6.5	HO	7.5	SI	7.75	21.75	25.25
38	THP016684	NGUYỄN THỊ VÂN	09/07/1997	Nữ	142739252	2NT		TO	7.5	HO	8.25	SI	8.25	24	25
39	HVN012442	NGUYỄN ĐÌNH XUYÊN	08/12/1997	Nam	125815645	2NT		TO	7.25	HO	8.5	SI	8.5	24.25	25.25
40	THP002399	NGUYỄN VĂN DŨNG	20/11/1997	Nam	142785721	2NT		TO	9	HO	7.75	SI	7.5	24.25	25.25
41	THP011650	NGUYỄN THU PHƯƠNG	29/08/1996	Nữ	142910156	2NT		TO	7.5	HO	8.5	SI	8.5	24.5	25.5
42	THP016647	PHẠM THỊ VÂN	02/09/1997	Nữ	142729395	2NT		TO	7.75	HO	8.25	SI	8.5	24.5	25.5
43	THP001904	HOÀNG MẠNH CƯỜNG	02/10/1997	Nam	142806280	2NT		TO	7.25	HO	9	SI	8	24.25	25.25
44	YTB010359	NGHIÊM XUÂN HUỲNH	16/05/1997	Nam	152162463	2		TO	8.25	HO	8	SI	8.25	24.5	25
45	KHA002468	LƯƠNG CÔNG ĐỨC	28/01/1997	Nam	013662815	2		TO	6.75	HO	9	SI	8.75	24.5	25
46	THP004976	LÊ XUÂN HIỆP	10/08/1997	Nam	142950838	2		TO	9	HO	8.5	SI	8.25	25.75	26.25
47	THP003814	NGUYỄN THỊ HÀ	10/06/1997	Nữ	142891040	2NT		TO	8.25	HO	8.5	SI	7.5	24.25	25.25
48	HVN010226	NGUYỄN THỊ THÙY	15/07/1997	Nữ	125805438	2NT		TO	8.5	HO	8.5	SI	7.25	24.25	25.25
49	HVN008507	LƯƠNG ĐỨC QUANG	07/07/1997	Nam	125674422	2NT		TO	8.25	HO	7.5	SI	8.25	24	25
50	HHA006827	NGUYỄN THỊ HƯƠNG	18/02/1997	Nữ	101319471	2NT		TO	7.25	HO	9	SI	8	24.25	25.25

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG
(Ký tên, đóng dấu)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KỸ THUẬT Y TẾ HẢI DƯƠNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG
TS.Phạm Xuân Thành

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KỸ THUẬT Y TẾ HẢI DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hải Dương, Ngày 24 tháng 08 năm 2015

DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN
ĐỢT XÉT TUYỂN: TUYỂN SINH NGUYỆN VỌNG 1
NGÀNH: CAO ĐẲNG XÉT NGHIỆM Y HỌC

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	CMND	KV ƯT	ĐT ƯT	Môn 1		Môn 2		Môn 3		Tổng điểm chưa có ƯT	Tổng điểm có ƯT
1	THP006546	NGUYỄN THỊ HUYỀN	11/02/1997	Nữ	142917278	2NT		TO	7.5	HO	7.25	SI	5.5	20.25	21.25
2	TDV033124	TRỊNH THỊ TRANG	24/09/1997	Nữ	184310008	1		TO	6	HO	7.25	SI	6.5	19.75	21.25
3	THV009284	PHÙNG THỊ KIM NGÂN	28/09/1997	Nữ	132301580	1		TO	6.5	HO	7.5	SI	5.25	19.25	20.75
4	DCN003504	PHAN THỊ THANH	15/06/1997	Nữ	168605340	2NT		TO	6	HO	6	SI	7.5	19.5	20.5
5	TTB000187	NGUYỄN THỊ LAN ANH	06/09/1997	Nữ	040485855	1		TO	7	HO	6.75	SI	5	18.75	20.25
6	HVN004435	VŨ VĂN HÙNG	06/12/1996	Nam	125738926	2NT		TO	7.25	HO	7.5	SI	6.25	21	22
7	HVN002112	NGUYỄN ĐỨC ĐẠT	16/03/1997	Nam	125654710	2NT		TO	6.25	HO	6.75	SI	6	19	20
8	BKA009401	BÙI HUYỀN NGỌC	28/03/1997	Nữ	163349046	2NT		TO	6.5	HO	6.5	SI	6.5	19.5	20.5
9	TQU005492	BÀN THỊ THÚY	07/08/1997	Nữ	070991960	1	01	TO	6.5	HO	6.25	SI	5.5	18.25	21.75
10	THV013795	NGUYỄN KIỀU TRANG	03/12/1997	Nữ	061065779	1		TO	6.75	HO	6.5	SI	5.5	18.75	20.25
11	HVN002855	DƯƠNG THỊ HẢI	03/11/1997	Nữ	125674865	2NT		TO	7.25	HO	7.5	SI	6.25	21	22
12	THP006932	CAO THÚY HƯƠNG	11/05/1997	Nữ	031925648	2		TO	6.75	HO	7.5	SI	5.5	19.75	20.25
13	YTB025730	LÊ THỊ YẾN	18/06/1997	Nữ	152109883	2NT		TO	7	HO	7.5	SI	6.25	20.75	21.75
14	TND029039	ĐẶNG THỊ VÂN	16/01/1997	Nữ	091876965	2	06	TO	7.25	HO	6.5	SI	5	18.75	20.25
15	SPH004353	NGUYỄN VĂN ĐỨC	21/07/1997	Nam	026097000239	1		TO	5	HO	8.5	SI	6.5	20	21.5
16	THP000244	ĐỒNG THỊ NHẬT ANH	19/02/1997	Nữ	031961409	3		TO	6.75	HO	6.75	SI	7	20.5	20.5
17	HHA001155	NGUYỄN THỊ NGỌC	28/07/1997	Nữ	142849520	1		TO	7.25	HO	6.25	SI	6.75	20.25	21.75
18	DCN009587	TRẦN THỊ SEN	13/05/1997	Nữ	168591310	2NT		TO	7.5	HO	7.25	SI	6.5	21.25	22.25
19	HVN007318	PHẠM THỊ NGÂN	26/05/1997	Nữ	125802423	2NT		TO	6.75	HO	7.5	SI	5.5	19.75	20.75
20	TTB001921	HÀ THỊ HỒNG HẠNH	20/04/1997	Nữ	050956458	1		TO	5.75	HO	6.5	SI	6.5	18.75	20.25
21	TND029077	LÊ THỊ HỒNG VÂN	25/10/1997	Nữ	122214682	2		TO	6.25	HO	6.75	SI	6.5	19.5	20
22	TND020007	NGUYỄN THU PHƯƠNG	12/03/1997	Nữ	091877598	2		TO	7.5	HO	7	SI	6.5	21	21.5
23	YTB006043	NGUYỄN THỊ THU HÀ	06/03/1997	Nữ	145754505	2NT		TO	6.5	HO	6.5	SI	6.5	19.5	20.5

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	CMND	KV ƯT	ĐT ƯT	Môn 1		Môn 2		Môn 3		Tổng điểm chưa có ƯT	Tổng điểm có ƯT
24	BKA003256	NGUYỄN VĂN ĐỨC	10/01/1996	Nam	163394057	2NT		TO	6.5	HO	7	SI	6	19.5	20.5
25	TQU002938	QUYỀN THỊ LAN	30/06/1997	Nữ	071054493	1		TO	5.75	HO	6.5	SI	6.25	18.5	20
26	HVN008656	TRẦN VĂN QUÂN	10/06/1997	Nam	125835007	2NT		TO	6	HO	6.25	SI	7.5	19.75	20.75
27	THV007030	MAI TÙNG LÂM	08/01/1997	Nữ	063491352	1	01	TO	6	HO	6.5	SI	5.5	18	21.5
28	HDT012194	NGUYỄN MAI HƯƠNG	05/08/1997	Nữ	174604936	2NT		TO	7.5	HO	6.75	SI	5.5	19.75	20.75
29	TND011779	HOÀNG THU HƯƠNG	30/05/1997	Nữ	122253837	1		TO	7.25	HO	5.5	SI	6.25	19	20.5
30	HHA000097	BÙI THỊ HUỆ ANH	12/02/1997	Nữ	101284579	2NT		TO	6.25	HO	7.5	SI	7	20.75	21.75
31	THV007895	NGUYỄN THANH LOAN	17/05/1997	Nữ	063443361	1		TO	6.5	HO	7.5	SI	5.25	19.25	20.75
32	THP017139	NGUYỄN THỊ HẢI YẾN	21/02/1997	Nữ	142843415	2NT		TO	7	HO	6.5	SI	7.5	21	22
33	YTB021120	LƯƠNG THỊ THU THUỶ	16/04/1997	Nữ	152143434	2NT		TO	7	HO	7.75	SI	6	20.75	21.75
34	YTB011147	NGUYỄN THỊ HƯỚNG	12/11/1997	Nữ	145744064	2NT		TO	6.5	HO	5.75	SI	8.25	20.5	21.5
35	YTB025645	BÙI THỊ HẢI YẾN	14/07/1997	Nữ	152167782	2NT		TO	6.75	HO	7	SI	6	19.75	20.75
36	HHA013758	LÔ THỊ THỦY	01/02/1996	Nữ	101185687	1	01	TO	6.25	HO	4.75	SI	6.5	17.5	21
37	HDT029223	NGUYỄN THỊ TƯƠI	14/05/1992	Nữ	174797584	1		TO	6	HO	7.5	SI	5.5	19	20.5
38	THP001065	NGUYỄN THỊ ÁNH	08/12/1997	Nữ	142846143	2NT		TO	7	HO	6.5	SI	5.75	19.25	20.25
39	KQH008643	TRẦN QUỲNH MAI LY	12/06/1997	Nữ	163451006	2NT		TO	7	HO	8	SI	6	21	22
40	THP002709	LÊ THỊ DƯƠNG	12/06/1997	Nữ	142796786	2NT		TO	6.5	HO	7.25	SI	6.25	20	21
41	YTB017341	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	13/12/1997	Nữ	152153178	2NT		TO	6.5	HO	8	SI	5.5	20	21
42	THV013707	HOÀNG KIỀU TRANG	06/09/1997	Nữ	061026125	1		TO	6.75	HO	7.25	SI	6	20	21.5
43	THV005850	NGUYỄN THỊ THANH	03/02/1997	Nữ	061042338	1		TO	7.5	HO	6.25	SI	5.5	19.25	20.75
44	THP014533	BÙI THỊ KHÁNH THƯ	19/05/1997	Nữ	142759795	2NT		TO	7	HO	7.75	SI	5.5	20.25	21.25
45	HDT013608	HOÀNG KIM HƯƠNG	24/10/1997	Nữ	164603527	2		TO	6.75	HO	7.5	SI	7.25	21.5	22
46	HDT023579	TRỊNH THỊ THẮM	30/04/1996	Nữ	174789353	2NT		TO	7	HO	7	SI	6.5	20.5	21.5
47	YTB004420	PHẠM THÙY DƯƠNG	29/12/1997	Nữ	145729628	2NT		TO	5.25	HO	7.75	SI	6.25	19.25	20.25
48	THP006768	NGUYỄN ĐỨC HUỲNH	04/08/1997	Nam	142779409	2NT		TO	6.5	HO	6.75	SI	6.25	19.5	20.5
49	LNH009318	ĐẶNG LÊ ANH THƯ	27/07/1997	Nữ	113638999	1		TO	7	HO	6.75	SI	6.5	20.25	21.75
50	THP011265	LÊ VĂN PHI	29/06/1995	Nam	031945988	2		TO	6.25	HO	8	SI	5.75	20	20.5
51	KQH005024	NGUYỄN THỊ HOA	02/11/1997	Nữ	017384488	2		TO	7.5	HO	7	SI	7.25	21.75	22.25
52	THP003143	NGUYỄN THỊ NGỌC	06/08/1996	Nữ	142734491	2NT		TO	6	HO	7	SI	7	20	21
53	HDT026697	NGÔ THỊ THU TRANG	27/09/1997	Nữ	164603094	2		TO	6	HO	7.5	SI	6.5	20	20.5
54	THP000433	NGUYỄN HỒNG ANH	24/06/1997	Nữ	142860809	2NT		TO	7	HO	7.25	SI	6.5	20.75	21.75
55	HHA001528	NGUYỄN KIM CHI	03/11/1997	Nữ	101308781	2		TO	6.5	HO	7	SI	6.75	20.25	20.75
56	YTB018210	BÙI THỊ NHƯ QUỲNH	24/12/1997	Nữ	152154455	2NT		TO	6.5	HO	8	SI	5.5	20	21
57	THP008372	NGUYỄN THỊ LINH	08/12/1997	Nữ	142846144	2NT		TO	7.5	HO	7.25	SI	5.75	20.5	21.5
58	THP007220	VŨ THỊ LAN HƯƠNG	27/08/1997	Nữ	142882042	2NT		TO	7.25	HO	6.5	SI	6	19.75	20.75
59	THP010803	LÊ THỊ NHI	05/07/1997	Nữ	142818170	2NT		TO	6.75	HO	7.75	SI	5.5	20	21

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	CMND	KV ƯT	ĐT ƯT	Môn 1		Môn 2		Môn 3		Tổng điểm chưa có ƯT	Tổng điểm có ƯT
60	HVN001933	NGÔ NGỌC DƯƠNG	10/12/1997	Nam	125646836	2		TO	7.75	HO	7.5	SI	5.5	20.75	21.25
61	TLA006329	NGUYỄN THỊ HUYỀN	04/02/1993	Nữ	145509442	2NT		TO	6.75	HO	7	SI	5.5	19.25	20.25
62	THV004915	TRẦN THỊ THANH	11/06/1997	Nữ	132388826	1	07	TO	5	HO	6.75	SI	6.75	18.5	21
63	DCN001207	ĐỖ THỊ MINH CHIẾN	20/03/1997	Nữ	017505644	2		TO	7	HO	6.75	SI	6.5	20.25	20.75
64	SPH011857	LẠI HỮU NAM	26/03/1997	Nam	135813478	2		TO	6	HO	6.5	SI	7.25	19.75	20.25
65	HHA003617	BÙI THỊ HÀ	15/08/1997	Nữ	101351392	2NT		TO	6.5	HO	5.5	SI	7.25	19.25	20.25
66	HVN004730	NGUYỄN THỊ THANH	01/07/1997	Nữ	125780520	2NT		TO	9	HO	6.5	SI	4.5	20	21
67	HVN001893	PHẠM ÍCH DƯ	02/01/1997	Nam	125780163	2NT		TO	8.5	HO	7	SI	4.5	20	21
68	YTB022583	HÀ THU TRANG	02/06/1997	Nữ	034197000454	2NT		TO	5.75	HO	7.5	SI	6.5	19.75	20.75
69	THP010177	BÙI THỊ NGÂN	15/02/1997	Nữ	142798780	2NT		TO	7	HO	6.25	SI	6	19.25	20.25
70	THP015284	NGUYỄN THẢO TRANG	05/11/1997	Nữ	142923166	2		TO	6.5	HO	6.5	SI	6.75	19.75	20.25
71	HVN002825	VŨ THỊ THU HÀ	09/08/1997	Nữ	125782490	2NT		TO	7.5	HO	6.75	SI	5.5	19.75	20.75
72	THP014098	PHẠM THỊ THU	15/07/1997	Nữ	142796493	2NT		TO	6.25	HO	8.5	SI	5.5	20.25	21.25
73	HHA013041	PHẠM THỊ THẢO	02/07/1997	Nữ	031937463	2		TO	7	HO	6.25	SI	6.25	19.5	20
74	TND008193	NGUYỄN TRUNG HIỆP	17/07/1997	Nam	122289134	1		TO	5.5	HO	7.75	SI	5.5	18.75	20.25
75	BKA009183	PHẠM THỊ NGA	02/01/1997	Nữ	163388393	2NT		TO	7.25	HO	8	SI	6	21.25	22.25
76	THP006997	MẠC THỊ THU HƯƠNG	29/12/1997	Nữ	142891736	2NT		TO	6.25	HO	7.25	SI	5.75	19.25	20.25
77	HVN010563	THÂN THỊ THƯƠNG	17/11/1997	Nữ	125843729	2NT		TO	7.5	HO	6.5	SI	7	21	22
78	NLS003491	VŨ THỊ HẰNG	17/11/1997	Nữ	231135664	1		TO	6.5	HO	6.75	SI	5.5	18.75	20.25
79	SPH005380	NGUYỄN THỊ HẠNH	02/07/1996	Nữ	135910694	1		TO	6.5	HO	6.75	SI	5.75	19	20.5
80	TDV032684	NGUYỄN THỊ TRANG	02/12/1997	Nữ	187583377	2NT		TO	7.25	HO	8.25	SI	5	20.5	21.5

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG
(Ký tên, đóng dấu)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KỸ THUẬT Y TẾ HẢI DƯƠNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG
TS.Phạm Xuân Thành

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KỸ THUẬT Y TẾ HẢI DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hải Dương, Ngày 24 tháng 08 năm 2015

DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN
ĐỢT XÉT TUYỂN: TUYỂN SINH NGUYỆN VỌNG 1
NGÀNH: CAO ĐẲNG KỸ THUẬT HÌNH ẢNH Y HỌC

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	CMND	KV ƯT	ĐT ƯT	Môn 1		Môn 2		Môn 3		Tổng điểm chưa có ƯT	Tổng điểm có ƯT
1	TND020708	NGUYỄN VĂN QUÝ	30/11/1996	Nam	122232808	1		TO	7	HO	7.25	SI	6.75	21	22.5
2	HVN003559	ĐỖ QUANG HIỆP	18/06/1997	Nam	125722506	2NT		TO	7.25	HO	5	SI	5.75	18	19
3	YTB019469	NGUYỄN TIẾN THÀNH	05/07/1997	Nam	145735303	2NT		TO	6.5	HO	8.5	SI	5.5	20.5	21.5
4	TND002832	HOÀNG MINH CÔNG	01/02/1997	Nam	122201975	1		TO	7.25	HO	7.25	SI	6.25	20.75	22.25
5	KQH002965	NGUYỄN VĂN ĐIỆP	03/04/1996	Nam	163384033	2NT		TO	6.75	HO	8.25	SI	6	21	22
6	YTB002037	NGUYỄN NGỌC BÌNH	19/01/1997	Nam	145732514	2NT		TO	6	HO	7.5	SI	7	20.5	21.5
7	YTB022134	NGUYỄN MINH TIỆP	28/11/1997	Nam	145709308	2NT		TO	6.5	HO	7.5	SI	5.25	19.25	20.25
8	THP006780	BÙI VĂN HƯNG	08/10/1997	Nam	032004963	2		TO	7	HO	4.25	SI	7.5	18.75	19.25
9	THP013133	HOÀNG CÔNG THÀNH	17/11/1997	Nam	031990096	2		TO	6.5	HO	7.5	SI	5.5	19.5	20
10	THP001370	ĐÀO VĂN BỘ	24/03/1997	Nam	142916175	2NT		TO	6	HO	7.25	SI	5	18.25	19.25
11	KQH005208	TRẦN ĐỨC HÒA	26/01/1996	Nam	017482356	2	02	TO	4	HO	6.5	SI	6.5	17	19.5
12	THP001350	PHẠM VĂN BÌNH	23/02/1990	Nam	142386876	2NT		TO	6.75	HO	7	SI	4.5	18.25	19.25
13	THP002965	ĐÀO TRỌNG ĐẠT	20/11/1997	Nam	142851377	2		TO	6.5	HO	7	SI	5.25	18.75	19.25
14	THP006763	PHẠM KHẮC HUỲNH	13/08/1997	Nam	142775521	2NT		TO	5.5	HO	7.25	SI	6	18.75	19.75
15	THP009844	NHỮ VĂN NAM	05/12/1996	Nam	142772201	2NT		TO	7.25	HO	7	SI	5.5	19.75	20.75
16	THP016758	NGUYỄN XUÂN VIỆT	23/02/1997	Nam	142774145	2NT		TO	7	HO	8	SI	6.5	21.5	22.5
17	THP003145	ĐOÀN VĂN ĐIỆP	08/10/1996	Nam	142780635	2NT		TO	5.75	HO	7.5	SI	5.75	19	20
18	HDT001472	THÂN TRỌNG TRUNG	22/03/1997	Nam	174742168	2NT		TO	7	HO	7.5	SI	5.25	19.75	20.75
19	HHA001712	NGUYỄN VĂN CHÍNH	20/03/1997	Nam	101350559	1		TO	4	HO	8.5	SI	6	18.5	20
20	YTB010336	LÊ THANH HUYỀN	01/09/1997	Nam	145765145	2NT		TO	6.5	HO	6.5	SI	6.5	19.5	20.5
21	TND018292	VŨ LÊ CAO NGUYÊN	05/08/1996	Nam	082299801	1		TO	6	HO	7.5	SI	6.25	19.75	21.25

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	CMND	KV ƯT	ĐT ƯT	Môn 1		Môn 2		Môn 3		Tổng điểm chưa có ƯT	Tổng điểm có ƯT
22	THP012686	PHẠM MINH SƠN	22/06/1997	Nam	142892345	2NT		TO	8.25	HO	7.5	SI	4.5	20.25	21.25
23	TND029461	PHẠM VĂN VĨNH	12/05/1997	Nam	091868241	2		TO	6.5	HO	7	SI	5.5	19	19.5
24	HHA007135	NGUYỄN TUẤN KHANG	30/08/1997	Nam	031942427	3		TO	7.5	HO	7.5	SI	6.75	21.75	21.75
25	TND005719	VŨ QUANG ĐỨC	31/07/1997	Nam	122215210	1		TO	6.5	HO	7.75	SI	6.25	20.5	22
26	YTB017000	ĐỖ ANH PHÚC	02/03/1997	Nam	145744058	2NT		TO	7.25	HO	7.25	SI	5.5	20	21
27	HHA011500	NGUYỄN HỮU QUẢNG	21/08/1997	Nam	101317866	2NT		TO	6.5	HO	5.75	SI	5.75	18	19
28	THP005671	NGUYỄN ĐÌNH HOÀNG	03/09/1997	Nam	142807060	2NT		TO	6.5	HO	6.75	SI	7.75	21	22
29	THV007012	HÁN HỒNG LÂM	11/04/1997	Nam	061059960	1		TO	5.75	HO	6	SI	6.5	18.25	19.75
30	DCN001014	KHUẤT HỮU BÌNH	10/05/1996	Nam	001096003019	2		TO	6.5	HO	7.25	SI	5	18.75	19.25
31	HHA014202	TRẦN VIỆT TIẾN	21/01/1997	Nam	101350205	1		TO	5	HO	7.25	SI	6.5	18.75	20.25
32	HVN008497	ĐÀO KHẮC QUANG	26/09/1997	Nam	125674809	2NT		TO	7.25	HO	6.25	SI	6.5	20	21
33	THP008045	BÙI ĐÌNH LIỄM	10/11/1997	Nam	142774261	2NT		TO	7.5	HO	5.5	SI	5.5	18.5	19.5
34	THP006902	VŨ VIỆT HƯNG	02/10/1997	Nam	142784086	2NT		TO	6.25	HO	7	SI	5.25	18.5	19.5
35	HHA007586	LẠI TRƯỜNG LÂM	19/12/1995	Nam	031838927	3		TO	6.25	HO	7	SI	6.5	19.75	19.75
36	TND003177	NGUYỄN ĐỨC CƯỜNG	14/03/1997	Nam	122228603	1		TO	7.25	HO	5.25	SI	7	19.5	21
37	YTB016970	ĐÀO TRỌNG PHÚ	20/11/1997	Nam	152152574	2		TO	6.5	HO	5.5	SI	6.5	18.5	19
38	TND008510	NÔNG CHÍ HIẾU	02/12/1997	Nam	082328250	1	01	TO	6.5	HO	6.5	SI	3.5	16.5	20
39	DCN001901	TRẦN HỮU DŨNG	04/02/1997	Nam	168591239	2NT		TO	7	HO	6.5	SI	5	18.5	19.5
40	TTB005999	ĐINH QUANG THẮNG	10/08/1996	Nam	050947290	1		TO	6.5	HO	5.5	SI	7	19	20.5
41	YTB003956	NGUYỄN THÀNH DUY	19/01/1997	Nam	152141731	2NT		TO	6.75	HO	5.5	SI	6	18.25	19.25
42	THV009079	VŨ HOÀI NAM	28/07/1997	Nam	132301586	1		TO	6.5	HO	6.25	SI	5.25	18	19.5
43	HVN002383	NGUYỄN THẾ ĐỨC	20/11/1997	Nam	125835888	2NT		TO	5.5	HO	6.5	SI	6	18	19
44	KHA007331	VŨ QUANG NGỌC	09/06/1997	Nam	163441055	2NT		TO	7.25	HO	7.25	SI	6.5	21	22
45	TQU005238	ĐẶNG VĂN THIỆN	23/12/1997	Nam	071037634	1		TO	6.25	HO	7	SI	5.25	18.5	20
46	YTB017099	BÝ VIỆT PHƯỚC	10/11/1997	Nam	145709598	2NT		TO	6.25	HO	6.5	SI	6.25	19	20
47	KQH013990	LÒ VĂN THƯỜNG	23/06/1992	Nam	001092001850	2		TO	7	HO	7.25	SI	5.25	19.5	20
48	TND006664	NGÔ VĂN HẢI	07/01/1997	Nam	122244427	1		TO	7	HO	8.25	SI	5	20.25	21.75
49	YTB007695	PHẠM ĐỨC HIỂN	26/02/1997	Nam	145826339	2NT		TO	6.5	HO	6	SI	6.25	18.75	19.75
50	SPH007335	PHẠM VĂN HÙNG	05/01/1995	Nam	135820386	2		TO	4.75	HO	6.5	SI	7.25	18.5	19
51	THP013628	ĐỒNG VĂN THẮNG	11/04/1997	Nam	142852093	2		TO	7	HO	6.75	SI	5.25	19	19.5
52	THP001808	VÕ TRÍ CÔNG	10/05/1997	Nam	142798293	2NT		TO	5.25	HO	7.25	SI	5.75	18.25	19.25
53	TLA006600	NGUYỄN VIỆT HƯNG	26/08/1997	Nam	168577616	2		TO	7	HO	6.25	SI	5.5	18.75	19.25
54	SPH004248	LÊ MINH ĐỨC	28/05/1997	Nam	013514645	3		TO	6.75	HO	7.25	SI	5.75	19.75	19.75

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	CMND	KV ƯT	ĐT ƯT	Môn 1		Môn 2		Môn 3		Tổng điểm chưa có ƯT	Tổng điểm có ƯT
55	TQU003557	LÊ ĐỨC MẠNH	09/11/1997	Nam	071036237	1		TO	5.25	HO	8	SI	6.75	20	21.5
56	THP016889	VŨ ĐÌNH VŨ	21/09/1997	Nam	142895279	2NT		TO	5.5	HO	8	SI	5.5	19	20
57	THP012147	PHẠM THUẦN QUÝ	01/08/1997	Nam	142806469	2NT		TO	7.25	HO	6.75	SI	4.75	18.75	19.75
58	HVN008537	NGUYỄN VĂN QUANG	25/08/1996	Nam	125644484	2NT		TO	6.75	HO	7.25	SI	6	20	21
59	TND028392	VŨ LÂM TÙNG	28/12/1995	Nam	085054823	1	01	TO	6	HO	5.25	SI	6.75	18	21.5
60	THP010449	PHẠM CÔNG TUẤN	10/02/1997	Nam	142882067	2NT		TO	5	HO	7.25	SI	5.75	18	19

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG
(Ký tên, đóng dấu)

BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KỸ THUẬT Y TẾ HẢI DƯƠNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG
TS.Phạm Xuân Thành

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KỸ THUẬT Y TẾ HẢI DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hải Dương, Ngày 24 tháng 08 năm 2015

DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN
ĐỢT XÉT TUYỂN: TUYỂN SINH NGUYỆN VỌNG 1
NGÀNH: CAO ĐẲNG HỘ SINH

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	CMND	KV ƯT	ĐT ƯT	Môn 1		Môn 2		Môn 3		Tổng điểm chưa có ƯT	Tổng điểm có ƯT
1	YTB003204	LÊ THỊ DIỆP	24/03/1997	Nữ	145735547	2NT		TO	5.75	HO	8	SI	5.5	19.25	20.25
2	HVN001884	PHẠM THỊ KỲ DUYÊN	12/09/1996	Nữ	142772980	2NT		TO	6.75	HO	7.5	SI	6.75	21	22
3	THP002283	PHẠM THỊ DUNG	15/09/1997	Nữ	142797662	2NT		TO	6.5	HO	7	SI	5.5	19	20
4	DCT001226	NGUYỄN THỊ CHUNG	09/12/1996	Nữ	125782229	2NT		TO	5.5	HO	7.75	SI	6.25	19.5	20.5
5	THP009193	LÊ THỊ NGỌC MAI	06/12/1997	Nữ	142852334	2		TO	7.5	HO	7	SI	5.25	19.75	20.25
6	TLA004321	NGUYỄN THANH HẢI	19/12/1996	Nữ	142851479	2		TO	7	HO	7.75	SI	6.25	21	21.5
7	THP001622	LÊ THỊ KIỀU CHINH	22/06/1997	Nữ	031197000832	2		TO	6.25	HO	6.75	SI	6.25	19.25	19.75
8	HVN000024	NGUYỄN THỊ THÚY AN	18/05/1997	Nữ	125674432	2NT		TO	7.25	HO	7	SI	4.75	19	20
9	SPH012238	VŨ THỊ NGA	19/12/1996	Nữ	125782377	2NT		TO	6.5	HO	7.25	SI	6.5	20.25	21.25
10	YTB012839	NGUYỄN THỊ THÙY	01/11/1997	Nữ	145801035	2NT		TO	6.75	HO	6.25	SI	6.5	19.5	20.5
11	THP010354	NGÔ THỊ NGỌC	14/07/1997	Nữ	142796128	2NT		TO	6	HO	7.25	SI	5.75	19	20
12	YTB021237	NGUYỄN THỊ THÙY	17/11/1997	Nữ	145801015	2NT		TO	7.25	HO	7.5	SI	5.5	20.25	21.25
13	HVN005083	TẠ THỊ LAN HƯƠNG	13/07/1996	Nữ	125631330	2NT		TO	7.5	HO	6.75	SI	4.75	19	20
14	YTB011705	PHẠM THỊ LÀ	17/08/1997	Nữ	145729610	2NT		TO	7.25	HO	5.75	SI	6	19	20
15	YTB017306	NGUYỄN THỊ HOA	02/06/1997	Nữ	152128135	2NT		TO	4.5	HO	7.75	SI	6.5	18.75	19.75
16	HVN006545	BÙI THỊ NGỌC MAI	09/02/1997	Nữ	125760543	2NT		TO	8	HO	6.5	SI	4.5	19	20
17	YTB002468	NGUYỄN THỊ CHINH	24/01/1997	Nữ	145734822	2NT		TO	6.75	HO	7	SI	5.25	19	20
18	DCN011781	NGUYỄN THỊ HỒNG	11/12/1997	Nữ	001197006843	2		TO	6.25	HO	6.75	SI	6.25	19.25	19.75
19	TND020784	NGÔ THỊ LỆ QUYÊN	04/11/1997	Nữ	122261340	1		TO	6.5	HO	7.5	SI	6.25	20.25	21.75
20	HHA008794	LÊ THỊ THỤC LY	01/09/1997	Nữ	101321475	1		TO	4.75	HO	7.75	SI	6.5	19	20.5
21	THP009215	NGUYỄN THỊ MAI	11/09/1997	Nữ	142758765	2NT		TO	7	HO	6.5	SI	5.75	19.25	20.25
22	THP003705	ĐỖ THỊ HÀ	14/12/1997	Nữ	142845789	2NT		TO	7	HO	6.25	SI	5.75	19	20
23	NLS014617	PHẠM THỊ UYÊN	03/06/1997	Nữ	231214414	1		TO	6.5	HO	6.5	SI	5.75	18.75	20.25

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	CMND	KV ƯT	ĐT ƯT	Môn 1		Môn 2		Môn 3		Tổng điểm chưa có ƯT	Tổng điểm có ƯT
24	YTB014068	NGUYỄN THANH MAI	09/11/1997	Nữ	145776249	2NT		TO	6.5	HO	6.5	SI	7	20	21
25	YTB011852	NGUYỄN THỊ LAN	14/05/1997	Nữ	152154058	2NT		TO	6.25	HO	7.5	SI	6.75	20.5	21.5
26	YTB010717	NGUYỄN THỊ HƯƠNG	17/11/1997	Nữ	145734734	2NT		TO	6.5	HO	8	SI	5.75	20.25	21.25
27	HVN004184	NGUYỄN THỊ HỒNG	06/06/1997	Nữ	125745084	2		TO	6.75	HO	6.5	SI	6	19.25	19.75
28	THP003936	PHẠM THỊ THU HÀ	10/09/1997	Nữ	142806169	2NT		TO	6.5	HO	7.5	SI	6	20	21
29	TND003323	NGUYỄN THỊ DUYÊN	15/04/1997	Nữ	122217440	2NT		TO	7	HO	7.5	SI	4.5	19	20
30	HVN000035	QUẢN THỊ AN	02/01/1997	Nữ	125675309	2NT		TO	7.25	HO	6.25	SI	5.5	19	20
31	HVN010224	NGUYỄN THỊ THÙY	06/09/1997	Nữ	125790295	2NT		TO	6.75	HO	7	SI	5.5	19.25	20.25
32	THP010921	NGUYỄN THỊ NHUNG	01/03/1997	Nữ	101344088	2NT		TO	6.25	HO	6	SI	6.5	18.75	19.75
33	THP010325	HOÀNG THỊ NGỌC	06/09/1997	Nữ	142806699	2NT		TO	5	HO	6.5	SI	7.5	19	20
34	HVN003938	NGUYỄN THỊ THU HÒA	05/02/1997	Nữ	125672882	2NT		TO	6.75	HO	6.75	SI	6.5	20	21
35	TND017292	ĐẶNG THỊ HẰNG NGA	01/06/1997	Nữ	122210236	2NT		TO	7.25	HO	7	SI	6.25	20.5	21.5
36	THP000352	LÊ THỊ THÙY ANH	20/07/1997	Nữ	142797309	2NT		TO	6.25	HO	6.75	SI	7.5	20.5	21.5
37	YTB004455	TRẦN THỊ THÙY	04/02/1997	Nữ	145760904	2NT		TO	6.5	HO	8.5	SI	6	21	22
38	THP006017	MAI THỊ HUỆ	20/06/1997	Nữ	142806527	2NT		TO	6.5	HO	7.25	SI	5.25	19	20
39	THP014666	TRẦN THỊ THƯƠNG	23/03/1997	Nữ	142844075	2NT		TO	7.5	HO	7.5	SI	5.5	20.5	21.5
40	HVN009716	VŨ THỊ THẢO	08/11/1997	Nữ	125815206	2NT		TO	7.5	HO	8	SI	5.5	21	22

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG
(Ký tên, đóng dấu)

BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KỸ THUẬT Y TẾ HẢI DƯƠNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG
TS.Phạm Xuân Thành

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KỸ THUẬT Y TẾ HẢI DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hải Dương, Ngày 24 tháng 08 năm 2015

DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN
ĐỢT XÉT TUYỂN: TUYỂN SINH NGUYỆN VỌNG 1
NGÀNH: CAO ĐẲNG PHỤC HỒI CHỨC NĂNG

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	CMND	KV ƯT	ĐT ƯT	Môn 1		Môn 2		Môn 3		Tổng điểm chưa có ƯT	Tổng điểm có ƯT
1	TND024875	NGUYỄN THỊ THỦY	01/10/1997	Nữ	122274527	1		TO	6.5	HO	6.75	SI	5.5	18.75	20.25
2	HHA013482	LƯƠNG THỊ THƠM	12/08/1996	Nữ	101214249	1	01	TO	4	HO	6	SI	6.25	16.25	19.75
3	THP011007	VŨ THỊ NHUNG	03/10/1997	Nữ	142806708	2NT		TO	6	HO	6.75	SI	5.75	18.5	19.5
4	TQU002011	TRẦN THU HOÀI	04/06/1997	Nữ	071057855	1		TO	6.75	HO	6.75	SI	5	18.5	20
5	THP002123	NGUYỄN THỊ DỊU	22/07/1997	Nữ	031197001588	2		TO	6.75	HO	7.25	SI	6	20	20.5
6	DCN005763	TRỊNH THỊ KHUYÊN	30/06/1997	Nữ	017399671	2		TO	8.25	HO	6.5	SI	5.5	20.25	20.75
7	YTB012572	LÊ THỊ LINH	19/12/1997	Nữ	145734826	2NT		TO	6.5	HO	7	SI	5.25	18.75	19.75
8	TDV035217	PHẠM THỊ TUYÊN	14/10/1997	Nữ	187536683	1		TO	6.25	HO	6.5	SI	7.5	20.25	21.75
9	YTB013753	TRẦN THỊ LƯƠNG	06/03/1997	Nữ	145742174	2NT		TO	6.25	HO	7	SI	5.25	18.5	19.5
10	THP016432	VŨ THỊ TƯƠI	16/06/1995	Nữ	142841078	2NT		TO	6.5	HO	6.5	SI	5.5	18.5	19.5
11	TTB002063	TRƯƠNG THU HẰNG	16/03/1997	Nữ	040827783	1		TO	5.75	HO	7	SI	5.75	18.5	20
12	THP005995	DƯƠNG THỊ HUỆ	14/11/1997	Nữ	142775518	2NT		TO	6.75	HO	7.5	SI	6.75	21	22
13	YTB021842	PHẠM THỊ THƯƠNG	01/02/1997	Nữ	145734642	2NT		TO	6	HO	6.75	SI	5.75	18.5	19.5
14	LNH010865	ĐINH KHÁNH VY	19/07/1996	Nữ	113626909	1	01	TO	6.75	HO	5.75	SI	4.5	17	20.5
15	THP010256	ĐINH THỊ NGOAN	12/01/1997	Nữ	142817515	2NT		TO	6.5	HO	8	SI	4.75	19.25	20.25
16	SPH006521	LÊ THỊ HOA	12/09/1997	Nữ	135906671	2NT		TO	6.25	HO	6	SI	6.5	18.75	19.75
17	THP012279	BÙI THỊ VÂN QUỲNH	05/03/1997	Nữ	142853297	2		TO	6.75	HO	6.75	SI	5.75	19.25	19.75
18	TTB006863	VŨ THỊ TRANG	04/04/1997	Nữ	040531451	1		TO	6.5	HO	7.5	SI	5.5	19.5	21
19	THP009161	ĐÀM PHƯƠNG MAI	13/10/1996	Nữ	142748886	2		TO	7	HO	7	SI	7	21	21.5
20	HVN001410	NGUYỄN VĂN CƯƠNG	15/11/1997	Nam	125805836	2NT		TO	7	HO	7.5	SI	5.75	20.25	21.25
21	THP007868	VŨ THỊ HƯƠNG LAN	03/12/1997	Nữ	142883771	2NT		TO	8	HO	5.5	SI	5.25	18.75	19.75
22	THP016989	NGUYỄN THỊ MINH	06/10/1996	Nữ	142852135	2		TO	6.5	HO	6.5	SI	7.75	20.75	21.25
23	YTB010918	TRỊNH KIỀU HƯƠNG	13/09/1997	Nữ	145796670	2NT		TO	6.75	HO	7	SI	5	18.75	19.75

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	CMND	KV ƯT	ĐT ƯT	Môn 1		Môn 2		Môn 3		Tổng điểm chưa có ƯT	Tổng điểm có ƯT
24	YTB013982	LÊ CHI MAI	26/03/1996	Nữ	152117530	2		TO	5.75	HO	6.5	SI	7.5	19.75	20.25
25	HVN006020	NGUYỄN THỊ THÙY	10/11/1997	Nữ	125712253	2NT		TO	6.5	HO	7.5	SI	4.75	18.75	19.75
26	THP002104	LÊ THỊ DINH	16/11/1997	Nữ	142852855	2		TO	6.5	HO	8.5	SI	4.75	19.75	20.25
27	THV003502	NGÔ THU HÀ	04/11/1997	Nữ	132342692	2		TO	5.5	HO	7.5	SI	6.5	19.5	20
28	TND004582	NGUYỄN THỊ THÙY	19/02/1997	Nữ	091878407	2		TO	5.25	HO	6.5	SI	7.25	19	19.5
29	TND015437	NGUYỄN THỊ LUYỆN	24/03/1997	Nữ	122244574	2NT		TO	7.25	HO	7.5	SI	4.25	19	20
30	HVN010070	PHẠM THỊ THƠM	07/10/1996	Nữ	125794872	2NT		TO	7.5	HO	5.75	SI	5.5	18.75	19.75
31	TND020231	NGUYỄN THỊ PHƯỢNG	07/02/1997	Nữ	091864446	1		TO	6.25	HO	7	SI	6.5	19.75	21.25
32	DCN012841	ĐẶNG THỊ TUYẾT	14/04/1997	Nữ	122223405	1	01	TO	5.5	HO	6.5	SI	5.5	17.5	21
33	THP012633	NGUYỄN NGỌC SƠN	14/02/1997	Nam	142860971	2NT		TO	6.5	HO	7	SI	5.5	19	20
34	HHA016080	NGUYỄN THỊ CẨM VÂN	13/09/1997	Nữ	101306184	2		TO	7	HO	7	SI	7.25	21.25	21.75
35	TDV021857	VÕ THỊ THANH NHÀN	20/08/1997	Nữ	174757624	1		TO	7	HO	6.25	SI	5	18.25	19.75
36	HVN009326	LẠI THỊ YẾN THANH	31/08/1997	Nữ	125843643	2NT		TO	6.5	HO	7	SI	5.5	19	20
37	YTB002064	CHU THỊ THÚY CẢI	17/11/1997	Nữ	145733820	2NT		TO	6.5	HO	6	SI	6	18.5	19.5
38	HHA004633	NGUYỄN THỊ THU HIỀN	28/07/1997	Nữ	101233707	2		TO	6.5	HO	5.5	SI	7	19	19.5
39	THP003987	TRỊNH THỊ NGỌC HÀ	04/07/1997	Nữ	142784438	2NT		TO	5.75	HO	7.25	SI	5.5	18.5	19.5
40	HHA016492	CAO THỊ YẾN	29/10/1996	Nữ	031886878	2		TO	6.5	HO	6.5	SI	6	19	19.5

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG
(Ký tên, đóng dấu)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KỸ THUẬT Y TẾ HẢI DƯƠNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG
TS.Phạm Xuân Thành

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KỸ THUẬT Y TẾ HẢI DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hải Dương, Ngày 24 tháng 08 năm 2015

DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN
ĐỢT XÉT TUYỂN: TUYỂN SINH NGUYỆN VỌNG 1
NGÀNH: CAO ĐẲNG ĐIỀU DƯỠNG

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	CMND	KV ƯT	ĐT ƯT	Môn 1		Môn 2		Môn 3		Tổng điểm chưa có ƯT	Tổng điểm có ƯT
1	THP016589	LƯƠNG THỊ VÂN	03/08/1997	Nữ	142822440	2NT		TO	6	HO	7.25	SI	6	19.25	20.25
2	HHA016159	NGUYỄN THÚY VI	08/10/1997	Nữ	101336777	2NT		TO	7	HO	6.5	SI	6	19.5	20.5
3	THP000131	BÙI THỊ VÂN ANH	24/10/1997	Nữ	142845374	2NT		TO	8	HO	7	SI	6.25	21.25	22.25
4	HVN001562	LÊ THỊ DINH	19/05/1996	Nữ	125622464	2NT		TO	6.75	HO	7	SI	5.75	19.5	20.5
5	YTB002485	NGUYỄN VIỆT CHINH	17/09/1997	Nữ	145732101	2NT		TO	6.5	HO	7.75	SI	6.5	20.75	21.75
6	THV010580	TRỊNH THỊ PHƯƠNG	22/12/1997	Nữ	061026516	1		TO	7.25	HO	6.25	SI	6.5	20	21.5
7	THP003628	PHẠM THỊ HƯƠNG	20/07/1997	Nữ	142848585	2NT		TO	7.25	HO	7.25	SI	6.5	21	22
8	THP009618	TRẦN HỮU MINH	10/08/1997	Nam	142881779	2NT		TO	7	HO	6.75	SI	6.5	20.25	21.25
9	THP001655	VŨ THỊ VIỆT CHINH	20/11/1996	Nữ	142841834	2		TO	7	HO	7	SI	6	20	20.5
10	SPH019857	NGUYỄN THỊ HẢI YẾN	26/05/1996	Nữ	132332987	1		TO	6.75	HO	7.5	SI	6.5	20.75	22.25
11	THP013059	NGUYỄN VĂN THANH	17/07/1997	Nam	142845935	2NT		TO	7.5	HO	7.5	SI	6	21	22
12	TND026644	ONG THỊ TRANG	19/07/1997	Nữ	122290666	1		TO	7.5	HO	6.75	SI	5	19.25	20.75
13	THP014345	NGUYỄN THỊ THU THỦY	26/02/1997	Nữ	140808859	2NT		TO	7.25	HO	7	SI	6.75	21	22
14	TND001439	TRẦN THỊ NGỌC ÁNH	11/08/1996	Nữ	122245470	1		TO	7.25	HO	6.75	SI	6.75	20.75	22.25
15	TLA013369	NGUYỄN THỊ THU THỦY	05/10/1997	Nữ	168590604	2		TO	7.5	HO	7.5	SI	6.5	21.5	22
16	DCN005345	NGUYỄN THỊ HƯƠNG	13/06/1996	Nữ	168502737	2NT		TO	6.5	HO	7	SI	6.5	20	21
17	THP004271	NGÔ THỊ MỸ HẠNH	03/07/1997	Nữ	142884963	2NT		TO	7.5	HO	6.5	SI	6.25	20.25	21.25
18	YTB022517	ĐÀO THỊ HUYỀN	22/12/1997	Nữ	145740458	2NT		TO	6	HO	6	SI	7.5	19.5	20.5
19	THP007891	NGUYỄN THỊ LÀNH	25/02/1997	Nữ	142788858	2NT		TO	6.5	HO	8.25	SI	5.75	20.5	21.5
20	HVN008729	NGUYỄN THỊ QUYÊN	19/05/1997	Nữ	125676453	2NT		TO	6.75	HO	7.5	SI	5.25	19.5	20.5
21	TND012175	NGUYỄN THỊ HƯỜNG	05/10/1997	Nữ	122210276	1		TO	6.75	HO	7.25	SI	5.5	19.5	21
22	HVN008203	DƯƠNG THỊ PHƯƠNG	20/08/1997	Nữ	125815670	2NT		TO	6.75	HO	7.25	SI	6.75	20.75	21.75
23	THP011771	VŨ THỊ PHƯƠNG	25/01/1997	Nữ	142759499	2NT		TO	7.25	HO	6.75	SI	7	21	22

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	CMND	KV ƯT	ĐT ƯT	Môn 1		Môn 2		Môn 3		Tổng điểm chưa có ƯT	Tổng điểm có ƯT
24	THV001966	NGUYỄN THỊ DINH	15/05/1996	Nữ	060976134	1		TO	5.75	HO	7.25	SI	6.5	19.5	21
25	SPH000839	NGUYỄN MINH ANH	30/04/1996	Nữ	013514312	3		TO	6.25	HO	8.25	SI	6.5	21	21
26	THP015585	VŨ VĂN TRÌNH	14/03/1997	Nam	142883888	2NT		TO	6.5	HO	7.75	SI	6.25	20.5	21.5
27	THP013363	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	08/02/1997	Nữ	142806294	2NT		TO	6	HO	6.75	SI	6.5	19.25	20.25
28	KHA007578	NGUYỄN HƯƠNG	28/11/1997	Nữ	017510218	2		TO	7.25	HO	7	SI	6	20.25	20.75
29	THP015267	NGUYỄN THỊ TRANG	20/09/1997	Nữ	142795995	2NT		TO	6.5	HO	7.5	SI	6.25	20.25	21.25
30	THP013556	VŨ THANH THẢO	18/03/1997	Nữ	142917185	2NT		TO	6.5	HO	6.25	SI	6.5	19.25	20.25
31	HVN003982	NGUYỄN THỊ HOÀI	19/05/1997	Nữ	125674739	2		TO	7.25	HO	7.75	SI	6.5	21.5	22
32	HVN005778	DƯƠNG THỊ LINH	08/03/1997	Nữ	125782237	2NT		TO	6.75	HO	7.25	SI	6.75	20.75	21.75
33	THV005395	HÀ CÔNG HÙNG	13/01/1996	Nam	132310786	1		TO	4.75	HO	7.75	SI	6.5	19	20.5
34	THP005354	NGUYỄN YẾN HOA	02/04/1996	Nữ	142813862	2NT		TO	6.25	HO	8.5	SI	6.25	21	22
35	YTB004192	TRẦN THỊ MỸ DUYÊN	20/10/1997	Nữ	145740715	2NT		TO	5.75	HO	8	SI	5.75	19.5	20.5
36	HVN006437	TÔ THỊ LƯƠNG	07/12/1997	Nữ	125805929	2NT		TO	8.75	HO	7	SI	4	19.75	20.75
37	THP004244	ĐẶNG THỊ VŨ HẠNH	11/12/1997	Nữ	142860813	2NT		TO	6	HO	8	SI	5.5	19.5	20.5
38	THP006722	VĂN THỊ NGỌC HUYỀN	08/05/1997	Nữ	142893539	2NT		TO	6	HO	8	SI	5.75	19.75	20.75
39	THP011587	NGUYỄN THỊ LAN	08/04/1997	Nữ	142822038	2NT		TO	6.5	HO	8	SI	6	20.5	21.5
40	THP001666	HOÀNG THỊ CHÍNH	23/09/1997	Nữ	142806230	2NT		TO	6.5	HO	7	SI	6.25	19.75	20.75
41	THP004188	TRẦN THỊ HẢI	14/11/1997	Nữ	142882282	2NT		TO	6.5	HO	6.5	SI	6.25	19.25	20.25
42	KHA007631	TRẦN THỊ HỒNG	10/11/1997	Nữ	017510149	2		TO	6.5	HO	7.25	SI	7	20.75	21.25
43	THP011083	ĐỖ THỊ NỤ	29/03/1997	Nữ	142786755	2NT		TO	6.75	HO	7.5	SI	6.5	20.75	21.75
44	THP000577	NGUYỄN THỊ NGỌC	01/11/1997	Nữ	142805799	2NT		TO	7	HO	7.5	SI	6	20.5	21.5
45	HVN005760	BÙI THỊ LINH	10/11/1997	Nữ	125815023	2NT		TO	6.5	HO	6	SI	7.5	20	21
46	TTN008150	BÙI THỊ LAN HƯƠNG	01/08/1997	Nữ	241717069	1		TO	7.25	HO	6.25	SI	6.5	20	21.5
47	THP006468	HỒ THỊ HUYỀN	04/03/1997	Nữ	142785733	2NT		TO	7.25	HO	7.5	SI	6.25	21	22
48	THP002315	VŨ THỊ DUNG	27/08/1996	Nữ	142783227	2NT		TO	7.5	HO	7	SI	5.75	20.25	21.25
49	TND002349	PHẠM THỊ HẠNH CHIÊM	26/01/1997	Nữ	122261379	1		TO	6.5	HO	7.25	SI	6.5	20.25	21.75
50	SPH004437	BẠCH THỊ THU GIANG	28/07/1996	Nữ	135906593	2NT		TO	6.75	HO	7.5	SI	6.75	21	22
51	THP012823	NGUYỄN THÀNH TẠO	12/03/1997	Nam	142806139	2NT		TO	6.25	HO	8.25	SI	5.5	20	21
52	TND003735	NGÔ THÙY DUNG	20/02/1997	Nữ	122232615	1		TO	6.5	HO	6.25	SI	6.5	19.25	20.75
53	THP014481	NGUYỄN THỊ THÚY	15/09/1997	Nữ	142880675	2NT		TO	5.75	HO	7	SI	6.5	19.25	20.25
54	HHA006214	ĐỖ THỊ HUYỀN	10/10/1996	Nữ	142782991	2NT	06	TO	6	HO	7.5	SI	6.5	20	22
55	HHA001127	NGUYỄN NGỌC ÁNH	10/10/1996	Nữ	142812594	2NT		TO	6.5	HO	7.5	SI	6.5	20.5	21.5
56	THP004518	NGUYỄN THỊ HẰNG	19/05/1996	Nữ	142845967	2NT		TO	7.25	HO	5.75	SI	7.25	20.25	21.25
57	THP004642	VŨ THỊ THU HẰNG	02/04/1996	Nữ	142708415	2NT		TO	7	HO	8	SI	5	20	21
58	THP009433	VŨ THỊ MĂNG	18/11/1996	Nữ	142782793	2NT		TO	6.25	HO	7	SI	6	19.25	20.25
59	THP015216	NGUYỄN THỊ THU	25/11/1997	Nữ	031929684	3		TO	6.5	HO	7	SI	6.75	20.25	20.25

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	CMND	KV UT	ĐT UT	Môn 1		Môn 2		Môn 3		Tổng điểm chưa có UT	Tổng điểm có UT
60	THP015083	HOÀNG THỊ TRANG	31/08/1997	Nữ	142917089	2NT		TO	7.5	HO	7	SI	5.5	20	21
61	THP011641	NGUYỄN THỊ THU	14/01/1997	Nữ	142851991	2		TO	7.25	HO	7.5	SI	6.25	21	21.5
62	HVN012078	TẠ THỊ UYÊN	21/04/1996	Nữ	125631671	2NT		TO	6.5	HO	7.5	SI	6	20	21
63	HVN009535	ĐOÀN THỊ THẢO	27/07/1997	Nữ	125727323	2NT		TO	7.25	HO	7	SI	6.5	20.75	21.75
64	HVN009761	TẠ XUÂN THĂNG	20/02/1997	Nam	125654846	2NT		TO	7.5	HO	8	SI	4.5	20	21
65	HVN003348	NGUYỄN THỊ HIỀN	30/08/1997	Nữ	125676526	2NT		TO	7.25	HO	7.5	SI	5.5	20.25	21.25
66	THV004604	NGUYỄN TRUNG HIẾU	02/07/1997	Nam	132333048	1		TO	6.5	HO	5.5	SI	6.75	18.75	20.25
67	HHA008702	VŨ NHƯ LUÂN	12/07/1996	Nam	142773572	3		TO	6.5	HO	7.5	SI	7	21	21
68	YTB016096	ĐÀO THỊ NHÀN	28/05/1997	Nữ	145748036	2NT		TO	8	HO	6.75	SI	5.75	20.5	21.5
69	TND007366	NGUYỄN MINH HẰNG	03/01/1997	Nữ	122284249	1		TO	7	HO	6.25	SI	6	19.25	20.75
70	THP016833	TRẦN QUANG VINH	15/03/1997	Nam	142917220	2NT		TO	5.75	HO	7.5	SI	6	19.25	20.25
71	TND015036	TẠ MINH LOAN	24/07/1997	Nữ	122286739	1		TO	6.75	HO	6.5	SI	5.75	19	20.5
72	HVN006027	NGUYỄN THỊ THÙY	22/09/1997	Nữ	125647935	2		TO	7.75	HO	7	SI	6.5	21.25	21.75
73	THP006579	NGUYỄN THỊ HUYỀN	27/06/1997	Nữ	142970314	2NT		TO	6.75	HO	7.25	SI	5.5	19.5	20.5
74	THP006401	TRẦN THỊ HUYỀN	30/06/1997	Nữ	142806658	2NT		TO	6.25	HO	6.25	SI	7	19.5	20.5
75	THP007911	LÊ HOÀNG LÂM	22/11/1997	Nam	142852194	2		TO	7.25	HO	7.25	SI	5.5	20	20.5
76	HVN006579	NGÔ MINH TRINH MAI	20/09/1997	Nữ	125820797	2NT		TO	8.25	HO	7.25	SI	5.25	20.75	21.75
77	TTB002800	LÈO THỊ THU HUYỀN	28/05/1997	Nữ	050919322	1	01	TO	6.5	HO	6.25	SI	5.5	18.25	21.75
78	THP003921	PHẠM THỊ HÀ	23/09/1997	Nữ	142894506	2NT		TO	7.25	HO	7.75	SI	4.5	19.5	20.5
79	THP011207	QUÁCH THỊ KIM OANH	10/12/1997	Nữ	031990067	2		TO	7.5	HO	7.5	SI	5.75	20.75	21.25
80	YTB000383	ĐOÀN VÂN ANH	18/10/1997	Nữ	145771060	2NT		TO	7.5	HO	7	SI	6.25	20.75	21.75
81	YTB000740	NGUYỄN THỊ ANH	01/06/1997	Nữ	145746947	2NT		TO	7	HO	7	SI	6.25	20.25	21.25
82	HVN011967	TRẦN THỊ TUYẾN	17/03/1996	Nữ	125634492	2		TO	7.75	HO	7	SI	5.75	20.5	21
83	LNH009160	BÙI THỊ THÚY	08/05/1995	Nữ	113627819	1	01	TO	5	HO	7.5	SI	5.75	18.25	21.75
84	THP008969	LÊ VĂN LỰC	17/12/1997	Nam	142806344	2NT		TO	5.75	HO	7	SI	6.5	19.25	20.25
85	THP008489	PHẠM THỊ LINH	20/08/1997	Nữ	142806366	2NT		TO	5.5	HO	7.5	SI	6.5	19.5	20.5
86	THP000969	VŨ THỊ QUỲNH ANH	18/10/1997	Nữ	142951521	2		TO	7	HO	7.25	SI	6.25	20.5	21
87	THP007565	NGUYỄN THỊ KHUYÊN	09/07/1996	Nữ	031950422	2		TO	6.25	HO	7	SI	6.75	20	20.5
88	HVN002892	NGUYỄN ĐỨC HẢI	04/08/1997	Nam	125843513	2NT		TO	6.5	HO	5.75	SI	7.75	20	21
89	YTB021178	NGUYỄN THỊ THUÝ	20/08/1997	Nữ	145768223	2NT		TO	7.25	HO	6.75	SI	7.25	21.25	22.25
90	THP014316	HOÀNG THỊ THỦY	20/10/1997	Nữ	142891304	2NT		TO	7	HO	6	SI	6.75	19.75	20.75
91	THP017218	PHẠM THỊ YẾN	29/04/1996	Nữ	142891374	2NT		TO	5.75	HO	7.75	SI	6.75	20.25	21.25
92	HVN003354	TRẦN THỊ HIỀN	15/08/1996	Nữ	142814334	2NT		TO	6.5	HO	7.5	SI	5.75	19.75	20.75
93	HVN007547	TRẦN THỊ NGỌC	29/08/1997	Nữ	125784877	2		TO	7.25	HO	6.75	SI	6.5	20.5	21
94	THP013854	ĐOÀN THỊ THỊNH	24/02/1997	Nữ	031197002178	2		TO	7.25	HO	7.5	SI	6.75	21.5	22
95	HVN010047	LÊ THỊ THƠM	15/03/1996	Nữ	125622425	2NT		TO	6	HO	7	SI	6.25	19.25	20.25

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	CMND	KV ƯT	ĐT ƯT	Môn 1		Môn 2		Môn 3		Tổng điểm chưa có ƯT	Tổng điểm có ƯT
96	THP009921	CAO THỊ NGA	25/08/1996	Nữ	142795298	2NT		TO	8	HO	7.25	SI	5.5	20.75	21.75
97	SGD002332	NGUYỄN THỊ THÙY	14/06/1995	Nữ	251030319	1		TO	5.25	HO	8	SI	6	19.25	20.75
98	YTB007453	NGUYỄN THỊ HIỀN	02/11/1997	Nữ	145775523	2NT		TO	6.25	HO	7.25	SI	6	19.5	20.5
99	THP003135	VŨ THỊ HỒNG ĐẸP	15/01/1997	Nữ	142776551	2NT		TO	7.75	HO	6.5	SI	5.25	19.5	20.5
100	THP014223	NGUYỄN THỊ THUÝ	30/11/1997	Nữ	142825936	2NT		TO	7.25	HO	7.5	SI	6.25	21	22
101	THP000262	ĐOÀN THỊ LAN ANH	02/10/1997	Nữ	142917273	2NT		TO	6.5	HO	6.75	SI	6.25	19.5	20.5
102	THP003727	ĐẶNG THỊ THU HÀ	21/10/1997	Nữ	142806522	2NT		TO	6.25	HO	7.5	SI	6.5	20.25	21.25
103	THP013763	NGUYỄN THỊ THÊM	01/06/1996	Nữ	142725481	2NT		TO	7.25	HO	7.25	SI	5.5	20	21
104	HVN008831	NGUYỄN THỊ QUỲNH	02/03/1997	Nữ	125815722	2NT		TO	7.5	HO	7.5	SI	5.25	20.25	21.25
105	THP016966	BÙI THỊ THANH XUÂN	18/09/1997	Nữ	142773984	2NT		TO	5.5	HO	7.5	SI	6.25	19.25	20.25
106	HHA012271	NGUYỄN THANH TÂM	11/07/1997	Nữ	101293187	1		TO	6.5	HO	7	SI	5.5	19	20.5
107	TND017655	THÂN THỊ NGÂN	15/12/1996	Nữ	122188234	1		TO	6.25	HO	7.75	SI	5.5	19.5	21
108	THP012514	LÊ THỊ SAO	25/08/1997	Nữ	142806723	2NT		TO	7	HO	7	SI	6.5	20.5	21.5
109	YTB005655	NGUYỄN THỊ HƯƠNG	30/10/1997	Nữ	145746465	2NT		TO	5.75	HO	7.5	SI	6	19.25	20.25
110	THP006464	ĐOÀN THỊ HUYỀN	15/10/1997	Nữ	142798584	2NT		TO	7.25	HO	6.5	SI	5.75	19.5	20.5
111	TND025323	KIỀU THỊ THƯƠNG	05/08/1997	Nữ	122279259	1		TO	6.75	HO	5.75	SI	6.5	19	20.5
112	TND000990	PHẠM THỊ QUỲNH ANH	27/04/1997	Nữ	122237021	1		TO	7	HO	7	SI	6.25	20.25	21.75
113	THP007062	NGUYỄN THỊ HƯƠNG	27/03/1997	Nữ	142784505	2NT		TO	7.25	HO	7	SI	5.75	20	21
114	THP011125	LÊ THỊ KIỀU OANH	13/05/1997	Nữ	142818258	2NT		TO	6.75	HO	6.5	SI	7.25	20.5	21.5
115	YTB015991	LÊ THỊ MINH NGUYỆT	26/02/1997	Nữ	145546765	2NT		TO	6.75	HO	7.5	SI	6.25	20.5	21.5
116	THP014195	BÙI THỊ THUỲ	29/10/1997	Nữ	142823605	2NT		TO	7.25	HO	8	SI	5	20.25	21.25
117	THP004626	VŨ THỊ HẰNG	07/01/1997	Nữ	142853317	2		TO	7.5	HO	8.5	SI	4.5	20.5	21
118	YTB018275	LÊ THỊ QUỲNH	10/02/1997	Nữ	145802364	2NT		TO	8.25	HO	7.5	SI	4.5	20.25	21.25
119	YTB017351	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	20/08/1995	Nữ	145805187	2NT		TO	7	HO	6.75	SI	6.5	20.25	21.25
120	HVN010308	NGUYỄN THỊ THỦY	26/12/1996	Nữ	125780732	2NT		TO	8.25	HO	6.5	SI	5.75	20.5	21.5
121	DCN010522	PHÙNG NGHĨA THẮNG	30/11/1997	Nam	017518205	2		TO	6	HO	7.5	SI	6.5	20	20.5
122	YTB002470	NGUYỄN THỊ CHINH	26/10/1997	Nữ	145766212	2NT		TO	6.25	HO	8.25	SI	5.75	20.25	21.25
123	HDT013157	LÂM THỊ LAN	20/02/1997	Nữ	174742145	2NT		TO	6.75	HO	6.5	SI	6.25	19.5	20.5
124	THP009916	BÙI THỊ NGA	04/10/1997	Nữ	142895266	2NT		TO	6.75	HO	7	SI	7.25	21	22
125	THP001690	ĐỖ VĂN CHUẨN	23/05/1997	Nam	142773910	2NT		TO	6.25	HO	7	SI	7.5	20.75	21.75
126	SPH013032	ĐỖ HỒNG NHUNG	18/12/1997	Nữ	013512542	2		TO	7	HO	7	SI	7.5	21.5	22
127	HVN005490	ĐÀO THỊ LAN	02/01/1997	Nữ	125740027	2NT		TO	7.75	HO	7	SI	4.75	19.5	20.5
128	THV007850	ĐÀO THỊ THÚY LOAN	16/08/1997	Nữ	132332985	1		TO	6.75	HO	6.5	SI	6.5	19.75	21.25
129	HHA008842	VŨ THỊ LY	14/01/1996	Nữ	031886708	2		TO	6	HO	7.5	SI	7.75	21.25	21.75
130	THP014111	TĂNG THỊ THU	18/08/1997	Nữ	142785801	2NT		TO	6	HO	7.5	SI	6.75	20.25	21.25
131	THP014016	BÙI THỊ THU	23/12/1997	Nữ	142759294	2NT		TO	6.25	HO	6.75	SI	6.5	19.5	20.5

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	CMND	KV ƯT	ĐT ƯT	Môn 1		Môn 2		Môn 3		Tổng điểm chưa có ƯT	Tổng điểm có ƯT
132	THP002553	VŨ ĐỨC DUY	21/04/1997	Nam	142775193	2NT		TO	7	HO	9	SI	4.5	20.5	21.5
133	HHA016572	NGUYỄN THỊ HẢI YẾN	19/10/1997	Nữ	101319630	1		TO	6.75	HO	6.25	SI	7.25	20.25	21.75
134	THP007056	NGUYỄN THỊ HƯƠNG	24/09/1997	Nữ	142846068	2NT		TO	7.25	HO	8	SI	4.75	20	21
135	THP014311	HỒ THỊ THÚY	09/08/1997	Nữ	142785795	2NT		TO	8	HO	7.5	SI	5.5	21	22
136	THP011861	PHẠM THỊ PHƯỢNG	14/10/1997	Nữ	142814697	2NT		TO	5.75	HO	6.75	SI	7.25	19.75	20.75
137	THP000729	PHẠM KHẮC ANH	02/02/1997	Nam	142795600	2NT		TO	6.25	HO	6.5	SI	6.5	19.25	20.25
138	THP003717	ĐINH THỊ HÀ	08/03/1997	Nữ	142813266	2NT		TO	6.5	HO	8	SI	6.75	21.25	22.25
139	TND015824	NGUYỄN THỊ NGỌC LÝ	14/04/1997	Nữ	122273839	1		TO	5.5	HO	6.75	SI	7.25	19.5	21
140	TLA002992	NGUYỄN THỊ ÁNH	28/01/1996	Nữ	125650033	2NT		TO	7	HO	6.75	SI	6.25	20	21
141	YTB007059	NGUYỄN THỊ THU	21/04/1996	Nữ	152094685	2NT	06	TO	7	HO	5.5	SI	6	18.5	20.5
142	SPH012467	DƯƠNG HẢI NGỌC	25/02/1997	Nữ	001197007373	3		TO	7	HO	7.75	SI	6.75	21.5	21.5
143	THP015359	PHẠM THỊ TRANG	02/10/1997	Nữ	142786717	2NT		TO	7.5	HO	7.25	SI	5.5	20.25	21.25
144	THP015893	NGUYỄN THỊ THANH TÚ	01/03/1997	Nữ	142871662	2NT		TO	6.25	HO	6.5	SI	6.75	19.5	20.5
145	HVN010142	NGUYỄN THỊ THU	29/09/1997	Nữ	125672394	2NT		TO	6.25	HO	7.5	SI	6.75	20.5	21.5
146	YTB025193	VŨ HOÀNG VIỆT	12/02/1992	Nam	145438221	2		TO	6	HO	7.5	SI	6.5	20	20.5
147	KQH002121	PHÍ THỊ THỤC DUNG	19/08/1997	Nữ	017527521	2		TO	6.25	HO	7.75	SI	6.5	20.5	21
148	HVN012564	NGUYỄN THỊ YẾN	26/02/1997	Nữ	125790974	2NT		TO	7.25	HO	7.75	SI	6	21	22
149	THP015489	ĐỖ VĂN TRÁNG	06/10/1997	Nam	142799669	2NT		TO	7.25	HO	6.75	SI	6.5	20.5	21.5
150	THP013405	NGUYỄN THỊ THẢO	16/04/1997	Nữ	142738545	2NT		TO	5.5	HO	7.5	SI	6.5	19.5	20.5
151	THP008382	NGUYỄN THỊ LINH	20/12/1996	Nữ	142725879	2NT		TO	7	HO	7.5	SI	5.5	20	21
152	THP007147	PHẠM THỊ THU HƯƠNG	29/12/1997	Nữ	142822444	2NT		TO	6.5	HO	7	SI	6.25	19.75	20.75
153	TND023086	NGUYỄN PHƯƠNG	17/02/1997	Nữ	122226295	1		TO	6.5	HO	6	SI	6.75	19.25	20.75
154	THP014487	NGUYỄN THỊ THÚY	23/12/1997	Nữ	142798783	2NT		TO	6.75	HO	6.25	SI	6.5	19.5	20.5
155	THP014452	NGÔ THANH THÚY	08/06/1996	Nữ	142783332	2NT		TO	7	HO	7.5	SI	6.5	21	22
156	THP000350	LÊ THỊ MAI ANH	23/03/1997	Nữ	142796431	2NT		TO	6	HO	8	SI	5.75	19.75	20.75
157	YTB007160	TRẦN THỊ LỆ HẰNG	01/01/1997	Nữ	145754568	2NT		TO	7.25	HO	7.25	SI	5.5	20	21
158	THP015442	VŨ KIỀU TRANG	01/01/1997	Nữ	142852120	2		TO	8	HO	8	SI	5.5	21.5	22
159	THP007555	NGUYỄN HỮU KHU	30/07/1996	Nam	142725839	2NT		TO	7.25	HO	7.5	SI	6	20.75	21.75
160	THP003624	PHẠM THỊ HÀ GIANG	14/11/1996	Nữ	142822681	2NT		TO	7	HO	7.5	SI	5.5	20	21

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KỸ THUẬT Y TẾ HẢI DƯƠNG

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG
(Ký tên, đóng dấu)

PHÓ HIỆU TRƯỞNG
TS.Phạm Xuân Thành